

Số: /2024/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong
hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 97/TTr-SNN ngày 02 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này định mức kinh tế kỹ thuật trong hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn gồm:

- Lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật: 56 định mức.
- Lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y: 24 định mức.
- Lĩnh vực Thủy sản: 16 định mức.
- Lĩnh vực Lâm nghiệp: 19 định mức.
- Lĩnh vực Thông tin tuyên truyền: 03 định mức.
- Lĩnh vực Đào tạo huấn luyện: 03 định mức.

(Chi tiết tại 06 Phụ lục kèm theo Quyết định).

Điều 2. Định mức kinh tế kỹ thuật quy định tại Điều 1 áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi, bổ sung về danh mục định mức kinh tế kỹ thuật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2024.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Các Bộ: NNPTNT, TC, KHĐT, KHCN;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, tổ chức CT-XH tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh Lạng Sơn;
- Báo Lạng Sơn;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Xuân Huyền

Phụ lục I
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG

Lĩnh vực Trồng trọt – Bảo vệ thực vật

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 14 /2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Mô hình sản xuất lúa thuần

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT (Mã sản phẩm: TR1111)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 10ha-15ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống lúa		35	Từ cấp xác nhận trở lên	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR1111)
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	Tiêu chuẩn cơ sở	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	70	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy	
4	Ka li nguyên chất (K ₂ O)	Kg	70	đôi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O	
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.000	tương ứng	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

2. Mô hình sản xuất lúa hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR1112)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 10ha-15ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống lúa	Kg	50	Từ cấp xác nhận trở lên, sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR1112)
2	Phân hữu cơ sinh học	Kg	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
3	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.000		
4	Thuốc phòng trừ sâu bệnh, thảo mộc, sinh học	1.000 đ	600		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

3. Mô hình sản xuất lúa bản địa

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR1113)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 10ha-15ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg	40 - 50	Các chỉ tiêu tương đương cấp xác nhận	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR1113)
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	80-100	Tiêu chuẩn cơ sở	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	90	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	90		
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.200	Tiêu chuẩn cơ sở	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

4. Mô hình sản xuất nông sinh khối

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR1121)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 10ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống ngô lai	kg	25-28	Hạt lai F1	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR1121)
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	180	Tiêu chuẩn cơ sở Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	100		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	100		
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.200		
6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

5. Mô hình canh tác ngô trên đất dốc

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR1122)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 10ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống ngô lai	kg	18-20	Hạt lai F1	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR1122)
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	160	Tiêu chuẩn cơ sở Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N,	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	80	P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	85		
5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	600	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biên mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

6. Mô hình sản xuất ngô thương phẩm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR1123)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 10ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống ngô lai	kg	18	Hạt lai F1 Ngô đường, ngô ngọt theo lượng khuyến cáo	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR1123)
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	160	Tiêu chuẩn cơ sở Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	80		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	85		
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.000		
6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	600	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

7. Mô hình sản xuất cây khoai lang

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR2301)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 10ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức		Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
			Mô hình nhân giống	Mô hình sản xuất		
1	Hom giống	kg	2.500	1.500	Từ cấp xác nhận trở lên	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR2301)
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	90	90	Tiêu chuẩn cơ sở	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	60	60	Có thể sử dụng	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	90	100	phân hỗn hợp với tỉ	
5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	700	1.000	lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ ,	
6	Vôi bột	kg	500	500	K ₂ O tương ứng	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	700	700	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

8. Mô hình sản xuất cây khoai tây

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR2302)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 10ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	kg	1.500	Từ cấp xác nhận trở lên	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR2302)
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	150	Tiêu chuẩn cơ sở, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	150		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	180		
5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	2.000		
6	Vôi bột	kg	1.000		
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	3.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

9. Mô hình sản xuất sản bền vững trên đất dốc

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR2304)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 10ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống sản	hom	12.000	85% diện tích	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR2304)
	Giống cỏ/ cây họ đậu	kg	1,0-1,5/ 18-20	15% diện tích, phân bón cây trồng xen đối ứng hoàn toàn	
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	120	Tiêu chuẩn cơ sở, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	55		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	110		
5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	3.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

10. Mô hình sản xuất thâm canh sản an toàn dịch bệnh

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR2305)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 10ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống sản	hom	12.000 - 14.000	Giống sạch bệnh, tỷ lệ nảy mầm trên 95%	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR2305)
2	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	Tiêu chuẩn cơ sở, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	50		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	180		
5	Thuốc xử lý hom giống	1.000đ	2.000		
7	Thuốc bảo vệ thực vật	kg	04	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

11. Mô hình sản xuất dong riềng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR2306)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 10 ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống*	kg	2.300	Tiêu chuẩn cơ sở	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR2306)
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	230	Tiêu chuẩn cơ sở, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	108		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	216		
5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	

* Củ giống (*tương đương 33.000 – 33.500 mầm củ giống*); nếu năm tiếp theo triển khai tại địa điểm của năm trước thì không hỗ trợ giống.

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

12. Mô hình sản xuất đậu xanh

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR3401)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 10 ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	kg	30	cấp xác nhận trở lên	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR3401)
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	46	Tiêu chuẩn cơ sở, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	66		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	72		
5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

13. Mô hình sản xuất đậu tương

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR3402)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 10 ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	kg	90	Tiêu chuẩn cơ sở	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR3402)
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	40	Tiêu chuẩn cơ sở, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	90	đôi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	80	tương ứng	
5	Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	1.000đ	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

14. Mô hình sản xuất lạc

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR3403)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 10ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống lạc	kg	220	Cấp xác nhận trở lên	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR3403)
2	Nilon che phủ	kg	100	Tiêu chuẩn cơ sở	
3	Đạm nguyên chất (N)	kg	46	Tiêu chuẩn cơ sở, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy	
4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	120	đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	90		
6	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
7	Vôi bột	kg	500	Tiêu chuẩn cơ sở	
8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

15. Mô hình sản xuất gừng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: LN3216)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/cán bộ	Năm 1: 9 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Củ giống	Kg	1.300	Củ không sâu bệnh	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: LN3216)
2	Phân bón NPK			Tiêu chuẩn cơ sở	
	+ Năm 1	Kg	520		
	+ Năm 2	Kg	520		
+ Năm 3	Kg	520			

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		
3	Thông tin tuyên truyền			1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

16. Mô hình sản xuất Nghệ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: LN3224)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	12	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 4 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống (Áp dụng cho trồng thuần)	Củ	50.000	Củ sạch bệnh, đồng đều	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: LN3224)
		Kg	4.000		
2	+Phân vi sinh	Kg	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
	+Đạm nguyên chất(N)	Kg	200		
	+Lân nguyên chất(P ₂ O ₅)	Kg	120		
	+Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	200		
1	Giống (Áp dụng cho trồng xen)	Củ	25.000	Củ sạch bệnh, đồng đều	
		Kg	2.000		
2	+Phân vi sinh	Kg	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
	+Đạm nguyên chất(N)	Kg	100		
	+Lân nguyên chất(P ₂ O ₅)	Kg	90		
	+Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	100		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biên mô hình	Cái	01		

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

17. Mô hình sản xuất rau ăn lá (bắp cải, súp lơ, cải thảo,...) thời gian sinh trưởng 100 - 140 ngày

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4502)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 3ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
a	Sản xuất hữu cơ				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4502)
1	Giống				
	Bắp cải	kg	0,3	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Súp lơ	kg	0,3		
	Cải thảo	kg	0,3		
2	Phân bón (lượng như nhau cho các chủng loại)				
	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Phân bón lá hữu cơ	lít	5		
	Phân bón gốc hữu cơ	kg	550		
	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	84	Sử dụng phân tự nhiên (Roc phosphate P ₂ O ₅ ≥ 28% hoặc Apatit P ₂ O ₅ ≥ 14%)	
	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	48	Sử dụng Kali sulphate (K ₂ O ≤ 30%)	
	Vôi bột hoặc Dolomit	kg	700	Tiêu chuẩn cơ sở	
3	Thuốc bảo vệ thực vật (lượng như nhau cho các chủng loại)				
	Trichoderma	kg	30		
	Chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật	Kg/lít	8	Tiêu chuẩn cơ sở	

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
	Bẫy Feromom	Chiếc	20			
	Xử lý phế phụ phẩm	1.000 đ	2.000			
b	Sản xuất an toàn Theo VietGAP					
1	Giống				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4502)	
	Bắp cải	kg	0,3	Tiêu chuẩn cơ sở		
	Súp lơ	kg	0,3			
	Cải thảo	kg	0,3			
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	120			Tiêu chuẩn cơ sở Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	60			
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	20			
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở		
6	Phân bón lá	1.000 đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở		
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

18. Mô hình sản xuất cây rau (su hào, hành lá...) thời gian sinh trưởng 90 - 130 ngày

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4503)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4-5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 3ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
a	Sản xuất hữu cơ				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4503)
1	Giống				
	Su hào	kg	0,7	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Hành lá	kg	6		
2	Phân bón (lượng như nhau cho các chủng loại)				
	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Phân bón lá hữu cơ	lít	3		
	Phân bón gốc hữu cơ	kg	250		
	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	56	Sử dụng phân tự nhiên (Roc phosphate P ₂ O ₅ ≥ 28% hoặc Apatit P ₂ O ₅ ≥ 14%)	
	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	75	Sử dụng Kali sulphate (K ₂ O ≤ 30%)	
	Vôi bột hoặc Dolomit	kg	300	Tiêu chuẩn cơ sở	
3	Thuốc bảo vệ thực vật (lượng như nhau cho các chủng loại)				
	Trichoderma	kg	30	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật	Kg/lít	5	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Bẫy Feromom	Chiếc	20	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Xử lý phế phụ phẩm	1.000đ	500	Tiêu chuẩn cơ sở	
b	Sản xuất an toàn theo VietGAP				
1	Giống				
	Su hào	kg	0,7	Tiêu chuẩn cơ sở	

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Hành lá	kg	6		
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	100	Tiêu chuẩn cơ sở, Có thể sử dụng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	60	phân hỗn hợp với tỉ	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	90	lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận	
	Thời gian	Ngày	01	hưởng lợi và tác động từ	
				mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)

19. Mô hình sản xuất cây rau cải ngồng (cải làn lai, cải làn, ...) thời gian sinh trưởng 90 - 140 ngày

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4502)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4-5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 3ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
a	Sản xuất hữu cơ				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4502)
1	Giống				
	Cải làn	kg	0,90	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Cải làn lai	kg	0,45		
2	Phân bón (lượng như nhau cho các chủng loại)				
	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Phân bón lá hữu cơ	lít	5		
	Phân bón gốc hữu cơ	kg	550		
	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	84	Sử dụng phân tự nhiên (Roc phosphate P ₂ O ₅ ≥ 28% hoặc Apatit P ₂ O ₅ ≥ 14%)	
	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	48	Sử dụng Kali sulphate (K ₂ O ≤ 30%)	
	Vôi bột hoặc Dolomit	kg	700	Tiêu chuẩn cơ sở	
3	Thuốc bảo vệ thực vật (lượng như nhau cho các chủng loại)				
	Trichoderma	kg	30	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật	Kg/lít	8		
	Bẫy Feromom	Chiếc	20		
	Xử lý phế phụ phẩm	1.000 đ	2.000		
b	Sản xuất an toàn Theo VietGAP				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4502)
1	Giống				
	Cải làn	kg	0,90		

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Cải lân lai	kg	0,45	Tiêu chuẩn cơ sở	TR4502)
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	120	Tiêu chuẩn cơ sở có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	60		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	20		
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
6	Phân bón lá	1.000 đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo, tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

20. Mô hình sản xuất rau ăn lá, thời gian sinh trưởng 60-75 ngày (cải xanh ăn lá, cải ngồng hoa vàng, mùng toi, rau rền...)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4501)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 3ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
a	Sản xuất hữu cơ nhóm rau 60 – 75 ngày				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4501)
1	Giống			Tiêu chuẩn cơ sở	
	Cải xanh ăn lá, cải ngồng hoa vàng	kg	6		
	Rau rền	kg	15		
	Mùng toi	kg	25		
2	Phân bón (lượng như nhau cho các chủng loại)				
	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Phân bón lá hữu cơ	lít	3		
	Phân bón gốc hữu cơ	kg	250		
	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	56	Sử dụng phân tự nhiên (Roc phosphate P ₂ O ₅ ≥ 28% hoặc Apatit P ₂ O ₅ ≥ 14%)	
	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	18	Sử dụng Kalisulphate (K ₂ O ≤ 30%)	
	Vôi bột hoặc Dolomit	kg	700		
3	Thuốc bảo vệ thực vật (lượng như nhau cho các chủng loại)				
	Trichoderma	kg	30		
	Chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật	Kg/lít	3		
	Bẫy Feromom	Chiếc	20		
	Xử lý phế phụ phẩm	1.000 đ	500		
b	Sản xuất an toàn Theo VietGAP nhóm rau 60 – 75 ngày				

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4501)
	Cải xanh ăn lá, cải ngồng hoa vàng	kg	6	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Rau rền	kg	15		
	Mùng toi	kg	25		
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	35	Tiêu chuẩn cơ sở, Có thể sử dụng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	25	phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	45		
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
6	Phân bón lá	1.000 đ	500	Tiêu chuẩn cơ sở	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	500	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

21. Mô hình sản xuất rau ăn quả (cà chua, dưa chuột, mướp đắng, đậu quả, bí xanh, đậu tương rau, ...)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4504)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 3 ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
a	Sản xuất hữu cơ rau ăn quả (cà chua, dưa chuột, mướp đắng, đậu quả, bí xanh, đậu tương rau...)				
1	Giống				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4504)
	Cà chua	kg	0,25	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Dưa chuột	kg	0,7		
	Mướp đắng	kg	2,5		
	Bí xanh	kg	1		
	Đậu quả	kg	45		
	Đậu tương rau	kg	80		
2	Phân bón (lượng như nhau cho các chủng loại)				
	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Phân bón lá hữu cơ	lít	5	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Phân bón gốc hữu cơ	kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	78	Sử dụng phân tự nhiên (Rocphosphate P ₂ O ₅ ≥ 28% hoặc Apatit P ₂ O ₅ ≥ 14%)	
	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	120	Sử dụng Kali sulphate K ₂ O ≤ 30%)	
	Vôi bột hoặc Dolomit	kg	700		
3	Thuốc bảo vệ thực vật (lượng như nhau cho các chủng loại)				
	Trichoderma	kg	30		
	Chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật	Kg/lít	8		
	Bẫy Feromom	Chiếc	30		
	Xử lý phế phụ phẩm	1.000 đ	2.000		

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
b	Sản xuất VietGAP rau ăn quả (cà chua, dưa chuột, mướp đắng, đậu quả, bí xanh, đậu tương rau...)				
1	Giống				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4504)
	Cà chua	kg	0,25	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Dưa chuột	kg	0,7		
	Mướp đắng	kg	2,5		
	Bí xanh	kg	1		
	Đậu quả	kg	45		
	Đậu tương rau	kg	80		
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	120		
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	90	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	120	đổi N,P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
6	Phân bón lá	1.000 đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

22. Mô hình sản xuất rau ăn củ (cà rốt, cải củ...)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4505)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 10ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4505)
	Cà rốt	kg	3	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Cải củ	kg	3		
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	120	Tiêu chuẩn cơ sở, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	90		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	120		
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
6	Phân bón lá	1.000đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

23. Mô hình sản xuất măng tây

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4508)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 3ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Năm thứ nhất	1	Hạt giống	Hạt	18.500	Tiêu chuẩn cơ sở	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4508)
		Hạt giống trồng dặm	Hạt	3.500		
	2	Vật tư làm giàn				
		- Cọc	cây	1.200	Cao 1,5m	
		- Sợi dây cước PE	kg	160		
		- Dây buộc (cước PE)	kg	30		
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	345	Tiêu chuẩn cơ sở, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	288		
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	300		
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	4.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
7	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.500	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó		
8	Chế phẩm bảo vệ thực vật sinh học	kg	10	Tiêu chuẩn cơ sở		
Năm thứ hai	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	345	Tiêu chuẩn cơ sở, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	288		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	325		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
	5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	750	Tiêu chuẩn cơ sở	
	6	Chế phẩm bảo vệ thực vật sinh học	kg	10	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

24. Mô hình sản xuất nấm mỡ**A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4601)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 20 tấn nguyên liệu/người	

B. Định mức giống, vật tư*Định mức cho 01 tấn nguyên liệu thô*

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	kg	15		Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4601)
2	Nguyên liệu	kg	1.000		
3	Đạm SA (Sulfatamon)	kg	20	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Đạm Urê	kg	5	Tiêu chuẩn cơ sở	
4	Supe lân	kg	30	Tiêu chuẩn cơ sở	
5	Bột nhẹ	kg	30		
6	Vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất			Theo quy trình kỹ thuật	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

25. Mô hình sản xuất nấm sò

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4602)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 20 tấn nguyên liệu/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 tấn nguyên liệu thô

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	kg	45		Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4602)
2	Nguyên liệu	kg	1.000		
3	Túi PE (30 x 45)	kg	6		
4	Nút, Bông, chun...	kg	12		
5	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	2.000		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

26. Mô hình sản xuất nấm rơm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4603)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 20 tấn nguyên liệu/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01tấn nguyên liệu thô

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	kg	15		Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4603)
2	Nguyên liệu	kg	1.000		
3	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	1.000		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

27. Mô hình sản xuất nấm mộc nhĩ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4604)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 20 tấn nguyên liệu/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 tấn nguyên liệu thô

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	que	1.800		Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4604)
2	Nguyên liệu	kg	1.000		
3	Cám và phụ gia				
	Cám gạo	kg	50	5%	
	Bột nhẹ (CaCO ₃)	kg	10	1%	
	MgSO ₄	kg	1,0	1,5‰	
	KH ₂ PO ₄	kg	0,5	0,5 ‰	
4	Túi PE (19 x 38)	kg	10		
5	Nút, Bông, chun...	kg	12		
6	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	1.500		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

28. Mô hình sản xuất nấm hương

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4605)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 20 tấn nguyên liệu/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 01 tấn nguyên liệu thô

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Chai	60		Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4605)
2	Nguyên liệu	kg	1.000		
3	Cám và phụ gia				
	Cám gạo	kg	70	7%	
	Bột nhẹ (CaCO ₃)	kg	20	2%	
4	Túi PE (25 x 35)	kg	10		
5	Nút, Bông, chun...	kg	12		
6	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	2.000		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

29. Mô hình sản xuất nấm linh chi

A. Định mức lao động mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4606)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 20 tấn nguyên liệu/người	

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	chai	60		Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR4606)
2	Nguyên liệu	kg	1.000		
3	Cám và phụ gia				
	Cám gạo	kg	50	5%	
	Cám ngô	kg	70	7%	
	Bột nhẹ (CaCO ₃)	kg	10	1%	
	Đường ăn	kg	50	5 ‰	
4	Túi PE (25 x 35)	kg	10		
5	Nút, Bông, chun...	kg	12		
6	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	2.000		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

30. Mô hình sản xuất cây mía

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR3002)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 10ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống (trồng mới + trồng dặm tương đương 40.000 hom)	kg	10.000	Tiêu chuẩn cơ sở	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR3002)
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	300	Tiêu chuẩn cơ sở Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	150		
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	260		
5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
6	Vôi bột	kg	500	Tiêu chuẩn cơ sở	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

31. Mô hình sản xuất thạch đen

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR3003)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	4	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 5ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	kg	1.500	Hom giống đạt tiêu chuẩn.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR3003)
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	35	Tiêu chuẩn cơ sở	
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	30	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	60	đôi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.500		
6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	500	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

32. Mô hình sản xuất Thuốc lá

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận theo Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT (Mô hình trồng thâm canh giống thuốc lá chất lượng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	7	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 5 ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	12.000	Cây giống đạt tiêu chuẩn.	Vận theo Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN, (Mô hình trồng thâm canh giống thuốc lá chất lượng)
2	Giống trồng dặm	cây	600		
3	Đạm nguyên chất (N)	kg	18	Tiêu chuẩn cơ sở Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	56		
5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	84		
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg	2	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

33. Mô hình trồng chè hữu cơ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR7904)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 3 -5 ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức		Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
			Chè Shan tập trung	Chè giống mới		
1	Giống, cây che bóng				Giống chè theo TCVN 11041-6:2018	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR7904)
1.1	Giống chè	bầu	18.000	22.000		
1.2	Giống trồng dặm(5%)	bầu	900	1.100		
1.3	Cây che bóng	cây	200	200		
2	Vật tư				Vật tư phải nằm trong danh mục được phép lưu hành và phải đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn cơ sở	
2.1	Năm thứ nhất					
	Phân hữu cơ vi sinh	kg	5.500	7.000		
	Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	1.000đ	1.000	1.000		
2.2	Chăm sóc năm thứ hai					
	Phân hữu cơ vi sinh	kg	2.500	3.000		
	Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	1.000đ	1.500	1.500		
2.3	Chăm sóc năm thứ ba					
	Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.000	3.500		
	Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	1.000đ	2.000	2.000		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng	

	Thời gian	Ngày	01	lợi và tác động từ mô hình.	726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biên mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

34. Mô hình thâm canh cây chè

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR7905)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 3ha-5ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	276	Tiêu chuẩn cơ sở Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR7905)
2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	112		
3	Ka li nguyên chất (K ₂ O)	kg	180		
4	Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.000		
5	Phân sinh học	kg	25		
7	Thuốc bảo vệ thực vật sinh học	1.000đ	3.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

35. Mô hình sử dụng phân hữu cơ nano và chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật cho sản xuất chè

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 5183/QĐ-BNN-KN ngày 06/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT (Mã sản phẩm: TR7912)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	5ha/vụ/người tính	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Thời kỳ kinh doanh (năm1)	1 Đạm nguyên chất (N)	Kg	257	Tiêu chuẩn cơ sở	Vận dụng theo Quyết định số 5183/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR7912)
	2 Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	104		
	3 Ka li nguyên chất (K ₂ O)	Kg	167		
	4 Phânhữucơ visinh	Kg	2.790		
	5 Phânsinh học	Kg	23		
	6 Phân hữu cơ nanoUPLML	Gam	255	Tỷ lệ chất hữu cơ: 50%; tỷ lệ C/N:9,5; pHH 20: 6; Độ ẩm:30%	
	7 Chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật AGIAZA4.5EC(phòng trừ sâu)	Lít	27	Thành phần Azadirachtin 4,5g/L và các phụ gia đặc biệt	
Thời kỳ kinh doanh (năm2)	1 Đạm nguyên chất (N)	Kg	234	Tiêu chuẩn cơ sở	
	2 Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	95		
	3 Ka li nguyên chất (K ₂ O)	Kg	153		
	4 Phânhữucơ visinh	Kg	2.550		
	5 Phânsinh học	Kg	21		

Thời kỳ		Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	6	Phân hữu cơ nano UPLML	Gam	255	Tỷ lệ chất hữu cơ: 50%; tỷ lệ C/N: 9,5; pHH20: 6; Độ ẩm: 30%	
	7	Chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật AGIAZA 4.5 EC (phòng trừ sâu)	Lít	27	Thành phần Azadirachtin 4,5g/L và các phụ gia đặc biệt	
Thời kỳ kinh doanh (năm 3)	1	Đạm nguyên chất (N)	Kg	205	Tiêu chuẩn cơ sở	
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	84		
	3	Ka li nguyên chất (K ₂ O)	Kg	135		
	4	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.250		
	5	Phân sinh học	Kg	19		
	6	Phân hữu cơ nano UPLML	Gam	255	Tỷ lệ chất hữu cơ: 50%; tỷ lệ C/N: 9,5; pHH20: 6; Độ ẩm: 30%	
	7	Chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật AGIAZA 4.5 EC (phòng trừ sâu)	Lít	27	Thành phần Azadirachtin 4,5g/L và các phụ gia đặc biệt	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	1	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	1-2		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

36. Mô hình trồng, thâm canh nhãn, vải

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6801)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 5ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu chất lượng	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm. Giống hỗ trợ năm thứ nhất	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6801)
	2	Giống trồng dặm	cây	20		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	70	Tiêu chuẩn cơ sở	
	4	Phân Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	65		
	5	Phân Kali nguyên chất (K_2O)	kg	90		
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	7	Vôi bột	kg	400		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	92	Tiêu chuẩn cơ sở Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân Hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6801)
	2	Phân Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	65		
	3	Phân Kali nguyên chất (K_2O)	kg	120		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	140	Tiêu chuẩn cơ sở Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân Hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó	
	2	Phân Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	100		
	3	Phân Kali nguyên chất (K_2O)	kg	210		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu chất lượng	Ghi chú
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

37. Mô hình trồng, thâm canh cây bưởi

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6804)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 5ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6804)
	2	Giống trồng dặm	cây	20		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	90	Tiêu chuẩn cơ sở	
	4	Phân Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	70		
	5	Phân Kali nguyên chất (K_2O)	kg	120		
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	7	Vôi bột	kg	400		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	190	Tiêu chuẩn cơ sở	
	2	Phân Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	100		
	3	Phân Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	190	Tiêu chuẩn cơ sở	
	2	Phân Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	100		
	3	Phân Kali nguyên chất (K_2O)	kg	300		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	5	Đậu tương hoặc khô dầu	kg	1.200	Đậu tương, khô dầu chỉ dùng cho mô hình bưởi Diễn, Đoan Hùng	

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	6 Túi bao quả	túi	20.000		
	7 Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

38. Mô hình ghép cải tạo bưởi

A. Định mức lao động

T T	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đổi ứng	Vận dụng theo Quyết định số 5183/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6824)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 5ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Năm thứ nhất	1	Mắt ghép (15mắt/cây)	Mắt	6.000	Cành mắt ghép, khai thác từ cây đầu dòng. Giống hồ trộn năm thứ nhất	Vận dụng theo Quyết định số 5183/QĐ-BNN- KN (Mã sản phẩm: TR6824)
	2	Dây ghép	Kg	2	Dây nilon mềm 0,02mm, 4 cuộn	
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	92		
	4	Phân Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	64		
	5	Phân Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	120		
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	Tiêu chuẩn cơ sở Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của từng loại phân bón đó	
	7	Thuốc bảo vệ thực vật	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			
Năm thứ 2	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	147		
	2	Phân Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	77		
	3	Phân Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	144		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	184		
	2	Phân Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	96		
	3	Phân Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	240		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01 - 02		
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

39. Mô hình trồng, thâm canh cam, quýt

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6805)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 5ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	cây	625	Cây giống ghép, mầm ghép $\geq 30\text{cm}$ Giống hỗ trợ năm thứ nhất	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6805)
	2	Giống trồng dặm	cây	30		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	100	Tiêu chuẩn cơ sở	
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	100		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	120		
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	7	Vôi bột	kg	625		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	120	Tiêu chuẩn cơ sở Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	100		
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	150		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Thời kỳ kinh doanh	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	140	Tiêu chuẩn cơ sở	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	120		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	180		

Thời kỳ		Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
(năm thứ 4 trở đi)	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

40. Mô hình trồng Chanh rừng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6805)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 5ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm đầu tiên)	1	Giống trồng mới	cây	500	Cây giống đạt tiêu chuẩn	Theo thực tiễn sản xuất và kết quả nghiên cứu ban đầu của Đề tài: Nghiên cứu bảo tồn và phát triển nguồn gen cây chanh rừng tại Lạng Sơn
	2	Giống trồng dặm	cây	25		
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	80	Tiêu chuẩn cơ sở có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	123		
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	150	Tiêu chuẩn cơ sở	
	6	Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	8		
	7	Vôi bột	kg	750	Tiêu chuẩn cơ sở	
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ 2)	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	160	Tiêu chuẩn cơ sở có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	41		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	150	Tiêu chuẩn cơ sở	
	4	Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	6		
	5	Vôi bột	kg	500	Tiêu chuẩn cơ sở	
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ 3)	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	184	Tiêu chuẩn cơ sở có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	66		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	195	Tiêu chuẩn cơ sở	
	4	Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	6		
	5	Vôi bột	kg	500	Tiêu chuẩn cơ sở	
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Thời kỳ	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	230	Tiêu chuẩn cơ sở có	

Thời kỳ		Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
kinh doanh (năm thứ tư trở đi)	2	Lân nguyên chất P ₂ O ₅)	kg	100	thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	3	Kali nguyên chất K ₂ O)	kg	240		
	4	Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	5	Tiêu chuẩn cơ sở	
	5	Vôi bột	kg	500	Tiêu chuẩn cơ sở	
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo, tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

41. Mô hình trồng, thâm canh thanh long**A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6806)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 5ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư*Định mức cho 1 ha*

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất)	1	Giống trồng mới	hom	5.555		Giống, trụ bê tông hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Trụ xi măng	Trụ	1.200		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	220	Tiêu chuẩn cơ sở	
	4	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	300		
	5	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	150		
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	7	Vôi bột	kg	550		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
Năm thứ 2	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	440	Tiêu chuẩn cơ sở Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6806)
	2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	440		
	3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	300		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	6.000		
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000		
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 3 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	660	Tiêu chuẩn cơ sở	
	2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	660		
	3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	450		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	9.000		

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

42. Mô hình trồng, thâm canh xoài

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6807)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 5ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm. Giống hỗ trợ năm thứ nhất	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6807)
	2	Giống trồng dặm	cây	20		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	90	Tiêu chuẩn cơ sở	
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	65		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	90		
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	7	Vôi bột	kg	400		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	120	Tiêu chuẩn cơ sở Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	80		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	240		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500		Tiêu chuẩn cơ sở
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	250	Tiêu chuẩn cơ sở	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	100		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	200		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	5	Túi bao quả	Cái	70.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	70.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

43. Mô hình trồng, thâm canh mít

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6808)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 5 ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm. Giống hỗ trợ năm thứ nhất	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6808)
	2	Giống trồng dặm	cây	20		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	200	Tiêu chuẩn cơ sở Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	100		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	100		
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	7	Vôi bột	kg	400		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	240	Tiêu chuẩn cơ sở	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	240		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	240		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	280	Tiêu chuẩn cơ sở	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	280		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	280		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

44. Mô hình trồng, thâm canh cây Na

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6814)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 5 ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất)	1	Giống trồng mới	cây	1.100	Cây giống ghép, mầm ghép $\geq 30\text{cm}$	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6814)
	2	Giống trồng dặm	cây	50		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	230	Tiêu chuẩn cơ sở Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	160		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	120		
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000		
	7	Vôi bột	kg	1.000		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000		
Năm thứ 2+ năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	230	Tiêu chuẩn cơ sở	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	160		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	180		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000		
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	300	Tiêu chuẩn cơ sở	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	240		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	360		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

45. Mô hình trồng đào Mẫu Sơn ăn quả

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6815)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 5ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm đầu tiên)	1	Giống trồng mới	cây	500	Cây giống đạt tiêu chuẩn	Áp dụng kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học: Phục tráng giống đào ăn quả Mẫu Sơn và phát triển một số giống đào mới tại khu du lịch Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn
	2	Giống trồng dặm	cây	25	Cây giống đạt tiêu chuẩn	
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	160	Tiêu chuẩn cơ sở có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	125		
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	225		
	6	Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	8,5	Tiêu chuẩn cơ sở	
	7	Vôi bột	kg	750	Tiêu chuẩn cơ sở	
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ 2 và 3)	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	115	Tiêu chuẩn cơ sở có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	83		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	125		
	4	Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	5	Tiêu chuẩn cơ sở	
	5	Vôi bột	kg	500	Tiêu chuẩn cơ sở	
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Thời kỳ kinh doanh	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	230	Tiêu chuẩn cơ sở có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi	
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	167		

Thời kỳ		Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
(năm thứ tư trở đi)	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	250	N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	4	Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	6,5	Tiêu chuẩn cơ sở	
	5	Vôi bột	kg	500	Tiêu chuẩn cơ sở	
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo, tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

46. Mô hình trồng đào cảnh

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6815)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 5 ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Năm đầu tiên	1	Giống trồng mới	cây	5.500	Cây giống đạt tiêu chuẩn	Áp dụng Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây đào cảnh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn tại Quyết định số 411/QĐ-SNN ngày 14/12/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Lạng Sơn
	2	Giống trồng dặm	cây	275	Cây giống đạt tiêu chuẩn	
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	475	Tiêu chuẩn cơ sở có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	531		
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	351		
	6	Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	10	Tiêu chuẩn cơ sở	
	7	Vôi bột	kg	600	Tiêu chuẩn cơ sở	
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Năm thứ 2 trở đi	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	475	Tiêu chuẩn cơ sở có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	351		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	351		
	4	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		
3	Thông tin tuyên truyền				

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Biên mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo, tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

47. Mô hình trồng mận

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6815)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 5ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm đầu tiên)	1	Giống trồng mới	cây	400	Cây giống đạt tiêu chuẩn	Áp dụng kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học: Khai thác và phát triển nguồn gen bản địa mận đỏ và Mận Chín sớm tại Hà Giang và Lạng Sơn
	2	Giống trồng dặm	cây	20	Cây giống đạt tiêu chuẩn	
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	18	Tiêu chuẩn cơ sở có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	100		
	5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	263		
	6	Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	8	Tiêu chuẩn cơ sở	
	7	Vôi bột	kg	600	Tiêu chuẩn cơ sở	
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ 2)	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	28	Tiêu chuẩn cơ sở có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	33		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	36		
	4	Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	5	Tiêu chuẩn cơ sở	
	5	Vôi bột	kg	200	Tiêu chuẩn cơ sở	
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ 3)	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	37	Tiêu chuẩn cơ sở có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	33		
	3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	48		
	4	Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	6	Tiêu chuẩn cơ sở	
	5	Vôi bột	kg	200	Tiêu chuẩn cơ sở	

Thời kỳ		Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	156	Tiêu chuẩn cơ sở có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	2	Lân nguyên chất P ₂ O ₅)	kg	156		
	3	Kali nguyên chất K ₂ O)	kg	156		
	4	Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	4	Tiêu chuẩn cơ sở	
	5	Vôi bột	kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở	
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo, tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

48. Mô hình trồng, thâm canh Lê

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6815)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 5ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6815)
	2	Giống trồng dặm	cây	20	Giống hồ trồng năm thứ nhất	
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	85	Tiêu chuẩn cơ sở	
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	80	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế	
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	90	sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân	
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	7	Vôi bột	kg	200		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	90	Tiêu chuẩn cơ sở	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	80		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	120		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.500	Tiêu chuẩn cơ sở	
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	120	Tiêu chuẩn cơ sở	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	90		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	180		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	5	Túi bao quả	túi	50.000		
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biểu mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

49. Mô hình trồng, thâm canh dứa Queen

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6816)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 10ha /vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Năm thứ nhất	1	Chồi giống trồng mới	Chồi	60.000	Chồi loại 1: 250 - 300 g/chồi. Giống hỗ trợ năm thứ nhất	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6816)
	2	Chồi giống trồng dặm	Chồi	3.000		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	460		
	4	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	320		
	5	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	840		
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	5.000	Tiêu chuẩn cơ sở Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó	
	7	Vôi bột	kg	1.000		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	3.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
Năm thứ 2	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	90		
	2	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	180		
	3	Chất điều hòa sinh trưởng thực vật (thành phần chính Ethephon)	lít	5		
	4	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

50. Mô hình trồng, thâm canh táo

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 5183/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6825)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 5ha /vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu chất lượng	Ghi chú	
Năm thứ nhất	1	Giống trồng mới	cây	600	Cây giống ghép, mầm Ghép ≥ 30 cm Giống hỗ trợ năm thứ nhất	Vận dụng theo Quyết định số 5183/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6825)
	2	Giống trồng dặm (5%)	cây	30		
	3	Trụ	cây	500		
	4	Cây choái	cây	500		
	5	Dây thép kéo giàn	kg	1.200		
	6	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	230		
	7	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
	8	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	210		
	9	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000	Tiêu chuẩn cơ sở Phân hữu cơ sinh học, khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó	
	10	Vôi bột	Kg	500		
	11	Thuốc bảo vệ thực vật	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			
Từ năm thứ 2 trở đi	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	276		
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	120		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	210		

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu chất lượng	Ghi chú	
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
	5	Vôi bột	Kg	500		
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	1-2		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

51. Mô hình trồng, thâm canh chanh leo (cây chanh dây, lạc tiên)**A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6819)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 5ha/vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư*Định mức cho 1 ha*

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Năm thứ nhất	1	Chòi giống trồng mới	Cây	1.300	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm Giống hỗ trợ năm thứ nhất	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6819)
	2	Chòi giống trồng dặm	Cây	60		
	3	Cột bê tông	cột	500		
	4	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	70		
	5	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	160		
	6	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	360		
	7	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	Phân hữu cơ sinh học khi hay thể sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó	
	8	Chế phẩm sinh học	kg	60	Tiêu chuẩn cơ sở	
	9	Vôi bột	kg	1.000		
	10	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	3.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
Năm thứ 2	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	185		
	2	Phân kali nguyên chất (K_2O)	kg	660		
	3	Chế phẩm sinh học	lít	80		
	4	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

52. Mô hình trồng, thâm canh hồng không hạt

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6820)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 5ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	Cây	600	Cây giống ghép, mầm ghép $\geq 30\text{cm}$	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6820)
	2	Giống trồng dặm	Cây	30	Giống hỗ trợ năm thứ nhất	
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	92	Tiêu chuẩn cơ sở	
	4	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	96		
	5	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	6	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000		
	7	Vôi bột	Kg	600		
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
Năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	125	Tiêu chuẩn cơ sở Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.	
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	138		
	3	Ka li nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	138	Tiêu chuẩn cơ sở	
	2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	300		
	4	Phân hữu cơ sinh học	Kg	3.000		
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

53. Mô hình trồng thâm canh cây Dẻ bằng cây ghép

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 5183/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: LN3305)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	500	Chiều cao cây giống \geq 40cm, trong đó, chiều dài cành ghép \geq 20cm. Cây sinh trưởng tốt, vết ghép liền sẹo, cây không sâu bệnh. Tuổi cây ghép xuất vườn từ 4-6 tháng	Vận dụng theo Quyết định số 5183/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: LN3305)
2	Giống trồng dặm	Cây	50		
3	Phân bón NPK (16:16:8)			Tiêu chuẩn cơ sở Có thể sử dụng phân hỗn hợp khác có hàm lượng tương đương	
	+ Trồng mới	Kg	250		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	500		
+ Chăm sóc năm 3	Kg	500			
4	Phân hữu cơ vi sinh				
	+ Trồng mới	Kg	1.000		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	500		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	500		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật và thời vụ trong năm Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	1-2		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			1 ngày/Hội nghị 1-2 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		
3	Thông tin tuyên truyền			01 1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ,	Hội thảo	01		

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	tham quan				
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

54. Mô hình trồng thâm canh chuối

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6823)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 10ha /vụ/người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Nội dung		Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Năm thứ nhất + năm 2	1	Giống trồng mới			cây giống cao 70 - 80cm Giống hỗ trợ năm thứ nhất	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: TR6823)
		Chuối tiêu	cây	2.000 - 2.500		
		Chuối tây	cây	1.800 - 2.000		
	2	Giống trồng dặm	cây	100		
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	260		
	4	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	160		
	5	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	360		
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	Tiêu chuẩn cơ sở	
	7	Vôi bột	kg	1.000		
8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000	Tiêu chuẩn cơ sở		
9	Túi bao bông	Túi	2.000	Cho năm thứ 2		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

55. Mô hình sản xuất ớt cay**A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN (Mô hình sản xuất ớt cay an toàn)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 5ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư*Định mức cho 1ha*

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	gam	180-240	Cây giống đạt tiêu chuẩn.	Vận dụng theo Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN (Mô hình sản xuất ớt cay an toàn)
3	Đạm nguyên chất (N)	kg	55	Tiêu chuẩn cơ sở	
4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	19	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	96		
6	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.000		
7	Phân bón lá	1.000đ	200	Tiêu chuẩn cơ sở	
8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	400		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

56. Mô hình sản xuất dưa hấu

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN (Mô hình sản xuất dưa hấu)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	tính 5ha/vụ /người	

B. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	kg	240-360	Cây giống đạt tiêu chuẩn.	Vận dụng theo Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN (Mô hình sản xuất dưa hấu)
3	Đạm nguyên chất (N)	kg	46	Tiêu chuẩn cơ sở	
4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	50	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	72		
6	Phân hữu cơ sinh học	kg	800		
7	Phân bón lá	1.000đ	200	Tiêu chuẩn cơ sở	
8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	400		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	2		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Hội thảo	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

PHỤ LỤC II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG

Lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 14/2024/QĐ-UBND, ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Mô hình chăn nuôi gà thương phẩm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT (Mã sản phẩm: CN2201)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 2.000 - 3.000 con	

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	2.000 - 3.000	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2201)
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	6,0	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	07	(2) Gum; (2) ND - IB; (1) New; (1) Đậu, (1) cúm gia cầm	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	0,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

2. Mô hình chăn nuôi gà sinh sản

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2202)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 1.000-2.000 con	

B. Thiết bị, vật tư ấp trứng gà (Áp dụng cho quy mô ≥ 1.000 gà mái/cơ sở/hộ/nhóm hộ)

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy ấp trứng gia cầm	Chiếc	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2202)
2	Máy nở	Chiếc	01	Công suất = 30% máy ấp	
3	Máy phát điện	Chiếc	01		
4	Máy phun thuốc sát trùng	Chiếc	01		
5	Hoá chất sát trùng	Lít/cơ sở	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	1.000-2.000	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2202)
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	12,3	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	14	(3) Gum, (1) Đậu, (2) IB, (4) New, (2) ILT, (2) Cúm gia cầm	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	2,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

3. Mô hình chăn nuôi ngan, vịt thương phẩm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2203)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 2.000-3.000 con	

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	2.000-3.000	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2203)
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	9,4	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	04	(2) Dịch tả; (1) Viêm gan (1) cúm gia cầm	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	0,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

4. Mô hình chăn nuôi ngan, vịt sinh sản

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2204)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 1.000-2.000 con	

B. Thiết bị, vật tư áp trứng vịt (Áp dụng cho quy mô ≥ 1.000 vịt mái/cơ sở/hộ/nhóm hộ)

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy ấp trứng gia cầm	Chiếc	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2204)
2	Máy nở	Chiếc	01	Công suất = 30% máy ấp	
3	Máy phát điện	Chiếc	01		
4	Máy phun thuốc sát trùng	Chiếc	01		
5	Hoá chất sát trùng	Lít/cơ sở	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	1.000-2.000	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2204)
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	30	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	11	(3) Viêm gan vịt, (3) Dịch tả vịt, (3) Cúm gia cầm, (2) Tụ huyết trùng	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	2,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Biên hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

5. Mô hình chăn nuôi chim bồ câu

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2207)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 500-1.000 con	

B. Định mức máy móc, thiết bị (Áp dụng cho quy mô ≥ 500 mái sinh sản/cơ sở/hộ/nhóm hộ)

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy ấp trứng bồ câu	Chiếc	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2207)
2	Máy nở	Chiếc	01	Công suất = 30% máy ấp	
3	Máy phát điện	Chiếc	01		
4	Máy phun thuốc sát trùng	Chiếc	01		
5	Hoá chất sát trùng	Lít/cơ sở	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	500-1.000	Giống bồ câu ngoại và bồ câu lai từ 03 tháng tuổi. Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2207)
2	Thức ăn hỗn hợp	Kg/con	10,8	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắcxin	Liều/con	01	Newcastle	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	02	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,03	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI,
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội	01	1-2 ngày/Hội nghị	

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
		nghị			VII)
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Biên hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

6. Mô hình chăn nuôi chim cú sinh sản

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2208)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 2.000-4.000 con	

B. Định mức máy móc, thiết bị (Áp dụng cho quy mô ≥ 2.000 mái sinh sản/cơ sở/hộ/nhóm hộ)

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy ấp trứng chim cú	Chiếc	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2208)
2	Máy nở	Chiếc	01	Công suất = 30% máy ấp	
3	Máy phát điện	Chiếc	01		
4	Máy phun thuốc sát trùng	Chiếc	01		
5	Hoá chất sát trùng	Lít/cơ sở	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	2.000-4.000	Chim cú 01 ngày tuổi, giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2208)
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	0,7	Số lượng, chất lượng cầu kỹ thuật của dự án theo yêu	
3	Vắc xin	Liều/con	04	Newcastle	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	01	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,01	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Biểu hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

7. Mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2209)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	08	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 100-150 con	

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	100-150	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2209)
1.1	Giống lợn ngoại	Kg/con	10		
1.2	Giống lợn nội	Kg/con	07		
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	225	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	06	(1) Dịch tả, (1) Lở mồm long móng, (1) Tai Xanh, (1) Tu Huyết trùng, (1) Phó Thương hàn, (1) Đóng Dấu lợn	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều/con	02		
6	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,1	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền			1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tham quan, hội thảo	Lần	01		
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

8. Mô hình chăn nuôi lợn sinh sản

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2210)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 60-110 con	

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	60-110	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2210)
1.1	Giống hậu bị (giống ngoại)	Kg/con	100		
1.2	Giống hậu bị (giống nội)	Kg/con	22		
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh				
2.1	Thức ăn hỗn hợp cho lợn giống Ngoại	Kg/con	534	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
2.2	Thức ăn hỗn hợp cho lợn giống nội	Kg/con	482		
3	Vắc xin	Liều	12	(2) Dịch tả, (2) Lở mồm long móng, (2) Tai Xanh, (2) Tụ Huyết trùng, (2) Phó Thương hàn, (2) Đóng Dấu lợn	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	40	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều	02		
6	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,2	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

9. Mô hình xử lý môi trường chăn nuôi lợn

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2211)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	06	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 2 hệ thống	

B. Định mức vật tư, thiết bị, phân tích, xét nghiệm đánh giá kết quả

TT	Tên vật tư, thiết bị	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hỗ trợ vật tư xây dựng hệ thống bể lắng xử lý chất thải và bể đá xử lý nước thải	Con/m ³	10	Áp dụng hệ thống cho chăn nuôi lợn với quy mô từ 50 – 1.500 con. Vật liệu xây dựng đảm bảo theo quy chuẩn về xây dựng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2211)
2	Men, chế phẩm vi sinh xử lý môi trường, phân và chất thải	Lít/kg/m ³	01	Được phép sản xuất và lưu hành tại Việt Nam	
3	Phân tích mẫu	Mẫu/bể	02	Thực hiện theo quy định hiện hành về phân tích đánh giá nước thải trước và sau xử lý	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

10. Mô hình vỗ béo trâu, bò**A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2212)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 50-70 con	

B. Định mức giống, thiết bị, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	50-70	Đối tượng bò, trâu đưa vào vỗ béo theo Quyết định số 294/QĐ-CN-MTCN ngày 23/9/2020 của Cục Chăn nuôi về Hướng dẫn kỹ thuật vỗ béo bò trước khi giết thịt; Quyết định số 295/QĐ-CN-MTCN ngày 23/9/2020 của Cục Chăn nuôi về Hướng dẫn kỹ thuật vỗ béo trâu trước khi giết thịt	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2212)
2	Thuốc tẩy ngoại KST	Liều/con	01		
3	Thuốc tẩy nội KST	Liều/con	01		
4	Thức ăn hỗn hợp	Kg/con	270	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
5	Vỗ béo trâu, bò thịt và xử lý môi trường bằng chế phẩm sinh học				
	Nguyên liệu làm đệm lót	Kg/con	900	Từ phụ phẩm nông nghiệp: rơm, trấu, thân cây ngô,...	
	Chế phẩm vi sinh	Kg/con	0,75	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Biên hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

11. Mô hình chăn nuôi trâu, bò sinh sản

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2213)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 10 -20 con cái, 2-5 con đực	

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con	10 -20 con cái, 2-5 con đực	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2213)
	Bò cái giống	Kg/con	220		
	Trâu cái giống	Kg/con	350		
2	Thức ăn hỗn hợp cho bò cái chửa	Kg/con	540	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Thức ăn hỗn hợp cho trâu cái chửa	Kg/con	660		
4	Tăng đá liếm	Kg/con	03		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

12. Mô hình cải tạo đàn trâu, bò bằng thụ tinh nhân tạo

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2214)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 50- 70 con	
3	Hỗ trợ tiền công lao động công nhân (phổ thông) cho dẫn tinh viên/1 con cái có chữa: - Bò - Trâu	1.000 đ 1.000 đ	250 350	Có chứng chỉ dẫn tinh viên, đáp ứng được yêu cầu của dự án		Vận dụng theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN, ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con	50-70	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2214)
2	Tinh đông lạnh	Liều/con	02		
3	Ni tơ lỏng	Lít/con	02		
4	Găng tay, ống gen	Bộ/con	02		
5	Thức ăn hỗn hợp cho bò cái có chữa	Kg/con	540	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
6	Thức ăn hỗn hợp cho trâu cái có chữa	Kg/con	660		
7	Tăng đá liếm	Kg/con	03		
8	Bình Nitơ 3,5 -3,7 lít	Cái/huyện	02		
9	Súng bắn tinh	Cái/huyện	06		
10	Bình Nitơ 35 lít	Cái/huyện	01		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên				

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

13. Mô hình trồng, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh cho chăn nuôi

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2216)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 20-50 tấn/6-10 ha	

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Mô hình trồng thâm canh cỏ				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2216)
	Giống cỏ				
	Trồng bằng hom	Tấn hom/ha	3,5		
	Trồng bằng hạt	Kg/ha	12,0		
	Thiết bị vật tư				
	Phân đạm nguyên chất (N)			Theo quy định của nhà sản xuất	
	Cỏ thân đứng (VA06 và cỏ tương tự)	Kg/ha	250		
	Cỏ thân bụi, thân bò (cỏ Mombasa và cỏ tương tự)	Kg/ha	200		
	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg/ha	80	Theo quy định của nhà sản xuất	
	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg/ha	100	Theo quy định của nhà sản xuất	
	Phân hữu cơ vi sinh	Kg/ha	2.500	Theo quy định của nhà sản xuất	
2	Kỹ thuật ủ rơm với urea trong túi nilon				
	Rơm lúa	Tấn	01	Rơm khô	
	Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Kg/tấn	02		
	Urea	Kg/tấn	40		
	Rỉ mật	Kg/tấn	20		
	Muối	Kg/tấn	5		
3	Kỹ thuật ủ chua thân bắp (ngô) trong túi nilon				
	Thân bắp (ngô)	Tấn	01	Thân ngô	
	Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Kg/tấn	02		
	Men vi sinh	Kg/tấn	01		
	Rỉ mật	Kg/tấn	50		
	Muối	Kg/tấn	05		
4	Hỗ trợ chế biến cỏ bằng phương pháp ủ chua				
	Cỏ tươi	Tấn	01		
	Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn	Kg/tấn	30		

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Muối	Kg/tấn	05		
	Ủ bằng bể ủ/hố ủ (nếu ủ bằng bể)				
	Bạt lót bể ủ/hố ủ	m ² /tấn cỏ tươi	08		
	Túi ủ (nếu ủ bằng túi)				
	Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Túi/tấn cỏ tươi	02		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

14. Mô hình chăn nuôi dê thương phẩm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2217)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 50 con	

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2217)
	Dê giống nội	Kg/con	5-7	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở	
	Dê lai ngoại	Kg/con	10-12		
2	Thức ăn hỗn hợp	Kg/con	45	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	04	(1) Tụ huyết trùng, (1) viêm ruột hoại tử, (1) Lở mồm long móng, (1) Đậu	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

15. Mô hình chăn nuôi dê sinh sản**A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng	Vận dụng theo QĐ số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2218)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 40 - 60 con	

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Dê cái giống ngoại	Kg/con	23-27	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở	Vận dụng theo QĐ số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2218)
2	Dê cái giống nội	Kg/con	13 - 17		
3	Dê cái lai	Kg/con	18 - 22		
4	Dê đực giống ngoại	Kg/con	30 - 34		
5	Dê đực giống lai	Kg/con	28 - 32		
6	Thức ăn hỗn hợp cho dê đực giống	Kg/con	115	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
7	Thức ăn hỗn hợp cho dê cái từ hậu bị đến đẻ	Kg/con	115		
8	Vắc xin	Liều/con	08	(2) Tụ huyết trùng, (2) viêm ruột hoại tử, (2) Lở mồm long móng, (2) Đậu	
9	Tăng đá liếm	Kg/con	02		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

16. Mô hình nuôi ong ngoại**A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2220)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 50-100 đàn	

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Ong giống	Đàn/điểm /cơ sở	50-100	Giống được công nhận tiên bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2220)
2	Thùng kê	Thùng /điểm /cơ sở	50-100	Áp dụng đối với mô hình có thùng kê	
3	Đường	Kg/đàn	30		
4	Phấn hoa	Kg/đàn	0,3		
5	Tàng chân	Cái/đàn	10		
6	Máng cho ong ăn	Cái/đàn	01		
7	Thùng quay mật	Cái/hộ	01		
8	Bộ dụng cụ nhân đàn (kim di trùng, thùng nhân đàn, bình xịt khói, bảo hộ lao động)	Bộ/hộ	01		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

17. Mô hình nuôi ong nội**A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2221)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 50-100 đàn	

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Ong giống	Đàn/điểm /cơ sở	50-100	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2221)
2	Thùng kè	Thùng /điểm /cơ sở	50	Áp dụng đối với mô hình có thùng kè	
3	Đường	Kg/đàn	18		
4	Phấn hoa	Kg/đàn	0,2		
5	Tầng chân	Cái/đàn	04		
6	Máng cho ong ăn	Cái/đàn	01		
7	Thùng quay mật	Cái/hộ	01		
8	Bộ dụng cụ nhân đàn (kim di trùng, thùng nhân đàn, bình xịt khói, bảo hộ lao động)	Bộ/hộ	01		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01	Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị tổng kết	Lần	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

18. Mô hình chăn nuôi thỏ thương phẩm**A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2222)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 500 - 1.000 con	

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thỏ giống	Kg/con	0,5	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2222)
2	Thức ăn hỗn hợp cho thỏ: Hỗ trợ thức ăn trong 90 ngày	Kg	13,5	Số lượng, chất lượng theo cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	01	(1) Bại huyết	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Biên hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

19. Mô hình chăn nuôi thỏ sinh sản

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2223)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 300-500 con	

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thỏ giống	Kg/con	2,5-3	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2223)
2	Thức ăn hỗn hợp cho thỏ: Hỗ trợ thức ăn trong 120 ngày	Kg	27	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	02	(2) Bại huyết	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

20. Mô hình chăn nuôi ngựa phối giống có chữa công ích

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hỗ trợ tiền công lao động công nhân (phổ thông) cho dẫn tinh viên/1 con cái có chữa	1.000 đồng	400		Vận dụng Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN, ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT
2	Hỗ trợ công lao động kỹ thuật chỉ đạo, chăn nuôi, thú y	Con phối/công	100		
3	Trình độ lao động				
3.1	Công nhân chăn nuôi			Đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án.	
3.2	Trình độ lao động kỹ thuật, chăn nuôi, thú y	bậc		≥ 3	

B. Định mức giống, vật tư cho 01 con phối giống có chữa

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tinh đông lạnh	liều	≤ 4	Theo TCVN 9371:2012 (Tiêu chuẩn quy định yêu cầu kỹ thuật cho ngựa giống nội)	Vận dụng theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN
2	Ni tơ lỏng	lít	≤ 4	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	
3	Dụng cụ (gồm: găng tay, ống gen...)	bộ	≤ 4		
4	Khấu hao công cụ, dụng cụ				
4.1	Cứ 100-150 con phối có chữa được sử dụng bình Ni tơ 35 lít	bình	01		

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
4.2	Cứ 100-150 con phôi có chữa được sử dụng bình Ni tơ 3 lít	bình	02		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

21. Mô hình chăn nuôi ngựa giống gốc

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Ngựa nội	Ngựa Cachadin	Ghi chú
1	Trình độ lao động				Vận dụng theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN
1.1	Công nhân chăn nuôi		Đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án.	Đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án.	
1.2	Lao động kỹ thuật, chăn nuôi, thú y	bậc	≥ 3	≥ 3	
2	Công nhân lao động (lao động phổ thông)	con/công	15	10	
3	Công lao động kỹ thuật, chăn nuôi, thú y	con/công	55	45	

B. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Ngựa nội	Ngựa Cachadin	Chi chú
1	Đối với đực hậu bị				Vận dụng theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN
1.1	Khối lượng sơ sinh	kg/con	22-27	36-40	
1.2	Khối lượng 6 tháng tuổi	kg/con	70-80	100-110	
1.3	Khối lượng 12 tháng tuổi	kg/con	140-160	170-190	
1.4	Khối lượng 24 tháng tuổi	kg/con	200-220	260-280	
2	Đối với cái hậu bị				
2.1	Khối lượng sơ sinh	kg/con	21-26	30-33	
2.2	Khối lượng 12 tháng tuổi	kg/con	130-160	160-190	
2.3	Khối lượng 24 tháng tuổi	kg/con	190-220	240-270	
3	Đối với cái sinh sản				
3.1	Tuổi phối giống lần đầu	tháng	30-32	29-31	
3.2	Khối lượng phối giống lần đầu	kg/con	200-250	250-300	
3.3	Tuổi đẻ lứa đầu	tháng	42-44	41-43	
3.4	Khoảng cách giữa 2 lứa đẻ	tháng	18-20	18-20	
4	Đối với sản phẩm giống gốc				
4.1	Tỷ lệ nuôi sống đến cai sữa	%	95	96	
4.2	Chọn lọc chuyên giống 6 tháng tuổi	%	70	70	
4.3	Sản phẩm giống hàng năm 12 tháng tuổi	%	75	80	
4.4	Thay thế đàn giống và bán giống	%	15-20	15-20	
4.5	Số lượng cái hậu bị đạt tiêu chuẩn sản phẩm vật tư giống gốc/cái sinh sản/năm	con	0,25	0,25	
5	Thức ăn				

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Ngựa nội	Ngựa Cachadin	Chi chú
5.1	Thức ăn tinh	kg/con	2	2,5	
5.2	Chất lượng thức ăn tinh	% protein	13-14	13-14	
5.3	Thức ăn thô xanh	kg/con	25	35	
5.4	Thức ăn bổ sung	kg/con	0,1	0,1	
6	Thuốc thú y				
6.1	Ký sinh trùng đường máu, Viêm phổi- kháng Lép tô	lần/con/năm	2	2	Vận dụng theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN
6.2	Tẩy giun	lần/con/năm	2	2	
6.3	Tẩy sán	lần/con/năm	2	2	
6.4	Phun thuốc diệt ve và sát trùng	lần/con/năm	48-52	24	
6.5	Thuốc kháng sinh chữa bệnh (so với thức ăn)	%	1,0-2,0	1,0-2,0	
6.6	Bệnh truyền nhiễm: Nhiệt thán, Tỵ thur, Tụ huyết trùng...)	Lần/con/năm	6	6	
7	Chuồng trại				
7.1	Cho 1 cái sinh sản	m ² /con	8	10	
7.2	Cho 1 đực giống	m ² /con	10	10	
8	Định mức khác				
8.1	Định mức vật rẻ so với chi phí thức ăn	%	0,5-1,0	0,5-1,0	
8.2	Định mức khấu hao chuồng trại	%	7	7	
8.3	Định mức điện nước so với chi phí thức ăn	%	1-2	1-2	
8.4	Thời gian sử dụng cái sinh sản giống gốc	năm tuổi	12	12	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Biên hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

22. Mô hình xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2225)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên ngành phù hợp	Quy mô 03 cơ sở	

B. Định mức vật tư, thiết bị, phân tích, xét nghiệm đánh giá kết quả

TT	Tên vật tư, thiết bị	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Thiết bị, vật tư (Mức hỗ trợ tính trên 01 cơ sở)					Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2225)
a	Máy phun thuốc sát trùng		01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
b	Bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ lao động, ủng, găng tay, khẩu trang)	Bộ/cơ sở	03		
c	Dụng cụ thú y (Bơm tiêm tự động, panh kẹp, kéo)	Bộ/cơ sở	01		
2. Định mức vắc xin, hóa chất sát trùng					
2.1. Mô hình an toàn dịch bệnh trên gia cầm					
2.1.1. Vắc xin phòng bệnh					Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2225)
a	Vắc xin cho thủy cầm nuôi thương phẩm		04	(2) Dịch tả, (2) Cúm gia cầm	
b	Vắc xin cho thủy cầm sinh sản	Liều/con	05	(3) Dịch tả, (2) Cúm gia cầm	
c	Vắc xin cho gà thương phẩm	Liều/con	05	(3) Newcastle, (2) Cúm gia cầm	
d	Vắc xin cho gà sinh sản	Liều/con	08	(4) Newcastle, (4) Cúm gia cầm	
2.1.2. Hoá chất sát trùng					
	Mô hình chăn nuôi gia cầm, thủy cầm thương phẩm	Lít/con	01	Dung dịch pha loãng theo quy định	
	Mô hình chăn nuôi gia cầm thương phẩm, thủy cầm sinh sản	Lít/con	02		
2.2. Mô hình an toàn dịch bệnh trên Lợn					
2.2.1. Vắc xin phòng bệnh					
a	Vắc xin phòng bệnh cho mô hình chăn	Liều/con/năm	04	(2) Dịch tả, (2) Lở mồm long móng	

TT	Tên vật tư, thiết bị	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	nuôi lợn thương phẩm				
b	Vắc xin phòng bệnh cho mô hình chăn nuôi lợn sinh sản	Liều/con	06	(3) Dịch tả, (3) mầm long móng	
2.2.2	Hóa chất sát trùng				
a	Mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm	Lít/con	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	
b	Mô hình chăn nuôi lợn sinh sản	Lít/con	40		
3. Định mức tư vấn, xét nghiệm và công nhận cho 01 cơ sở an toàn dịch bệnh					
3.1	Vật tư, dụng cụ lấy mẫu phân tích	Lần	01		Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2225)
3.2	Công tác lấy mẫu, gửi mẫu	Lần	01		
3.3	Phân tích xét nghiệm	Lần	01		
3.4	Thẩm định, đánh giá	Lần	01		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

23. Mô hình xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh động vật cấp huyện

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2226)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên ngành phù hợp	1 người/xã	

B. Định mức vật tư, thiết bị, phân tích, xét nghiệm đánh giá kết quả

TT	Tên vật tư, thiết bị	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú	
1. Định mức vật tư, thiết bị						
a	Máy phun thuốc sát trùng	Máy/xã	02	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2226)	
b	Bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ lao động, ủng, găng tay, khẩu trang)	Bộ/xã	12			
c	Dụng cụ thú y (Bơm tiêm tự động, panh kẹp, kéo)	Bộ/xã	03			
2. Định mức vắc xin, hóa chất sát trùng						
2.1. Mô hình an toàn dịch bệnh trên gia cầm						
2.1.1. Vắc xin phòng bệnh						
a	Vắc xin cho thủy cầm thương phẩm (1 năm 3 lứa)	Liều/con /lứa	12	(2x3) Dịch tả, (2x3) Cúm gia cầm	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2226)	
b	Vắc xin cho thủy cầm sinh sản	Liều/con	8	(4) Dịch tả, (4) Cúm gia cầm		
c	Vắc xin cho gà thương phẩm (1 năm 3 lứa)	Liều/con /lứa	15	(3x3) Newcastle, (2x3) Cúm gia cầm		
d	Vắc xin cho gà sinh sản	Liều/con	08	(4) Newcastle, (4) Cúm gia cầm		
2.1.2. Hoá chất sát trùng						
a	Mô hình chăn nuôi gia cầm sinh sản	Lít/con	02	Dung dịch pha loãng theo quy định		
b	Mô hình chăn nuôi gia cầm thương phẩm	Lít/con	01			
2.2. Mô hình an toàn dịch bệnh trên Lợn						
2.2.1. Vắc xin phòng bệnh						
a	Vắc xin phòng bệnh cho mô hình chăn nuôi lợn sinh sản	Liều/con /năm	06	(3) Dịch tả, (3) Lở mồm long móng		
b	Vắc xin phòng bệnh	Liều/co	08	(4) Dịch tả, (4) mồm long		

TT	Tên vật tư, thiết bị	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	cho mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm (1 năm 2 lứa)	n/lứa		móng	
2.2.2	Hóa chất sát trùng				
a	Mô hình chăn nuôi lợn sinh sản	Lít/con	40	Dung dịch pha loãng theo quy định	
b	Mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm	Lít/con	20		
3. Định mức lấy mẫu, xét nghiệm và chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh cấp huyện					
3.1	Vật tư, dụng cụ lấy mẫu xét nghiệm	Lần/năm	02		Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm: CN2226)
3.2	Lấy mẫu, gửi mẫu đến phòng xét nghiệm	Lần/năm	02		
3.3	Định lượng kháng thể	Mẫu/xã	81		
3.4	Giám sát lưu hành vi rút	Mẫu/chợ xã	30		
3.5	Thẩm định, đánh giá vùng an toàn dịch bệnh	Lần/năm	02		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Biển hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

24. Mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

A. Định mức lao động (Áp dụng cho 03 cơ sở)

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN- KN (Mã sản phẩm: CN2227)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên ngành phù hợp		

B. Định mức hỗ trợ liên kết (Áp dụng cho 01 chuỗi)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết				
1.1	Tư vấn xây dựng liên kết			Theo thực tế và chế độ hiện hành	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN- KN (Mã sản phẩm: CN2227)
1.2	Xây dựng chuỗi				
	Kết nối các thành viên	Lần	05	Tổ chức các cuộc họp	
	Thành lập HTX, THT... (liên kết ngang)	Lần	03		
	Xây dựng quy chế hoạt động	Lần	01		
	Thông nhất nguyên tắc tổ chức, hoạt động, quyền, nghĩa vụ của các thành viên	Lần	02		
	Xúc tiến thương mại,	Lần	05		
	Triển khai mở rộng thị trường	Lần	05		
2	Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết				
	Máy móc, trang thiết bị, nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm			Theo thực tế và chế độ hiện hành	
3	Hỗ trợ vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm				
	Bao bì, nhãn mác sản phẩm	Chu kỳ sản xuất			≤ 40%

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN- KN
	Số lần	Lần	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	01	1-2 ngày/Hội nghị	

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
3	Thông tin tuyên truyền				(Phụ lục VI, VII)
	Tham quan, hội thảo	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Biên hiệu mô hình	Cái	01		
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

PHỤ LỤC III
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG

Lĩnh vực: Thủy sản

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 14/2024/QĐ-UBND, ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Mô hình nuôi cá trắm đen trong ao/hồ (Áp dụng cho 1 ha)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT (Mã sản phẩm TS4151).
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống quạt nước	Bộ	02 - 04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4151).
2	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống: Trắm đen	Con/m ²	01	Quy cỡ giống cá: 200 - 500gr/con; Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4151).
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (Hệ số thức ăn kg)	≤ 1.8	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 25 %; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần	01	Theo quy trình kỹ thuật.	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biên mô hình	Cái	01		
	Tham quan, hội thảo	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

2. Mô hình nuôi cá trắm đen trong lồng bè (Áp dụng cho 500 m³)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4152)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02 - 04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4152)
2	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
3	Hệ thống lồng	Theo quy trình /Tiến bộ kỹ thuật được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống: Trắm đen	Con/m ³	10-15	Cá giống cỡ từ 0,8 – 1,0 kg/con; Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4152)
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (Hệ số thức ăn kg)	≤ 3.0	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein 38-45% (theo giai đoạn phát triển của cá); Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
	Số lần	Lần	01	Theo quy trình kỹ thuật.	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	(Phụ lục VI, VII).
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biên mô hình	Cái	01		
	Tham quan, hội thảo	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

3. Mô hình nuôi cá bống trong lồng/bè (Áp dụng cho 500 m³)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4153).
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	24	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02 - 04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4153).
2	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
3	Hệ thống lồng	Theo quy trình /Tiên bộ kỹ thuật được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống: Cá Bống	Con/m ³	10-15	Quy cỡ giống từ 6 - 10cm/con; Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4153).
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (Hệ số thức ăn kg)	≤ 2.0	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥30%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII).
	Số lần	Lần	01	Theo quy trình kỹ thuật. Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biên mô hình	Cái	01		
	Tham quan, hội thảo	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

4. Mô hình nuôi baba trong ao/ bể (Áp dụng cho 500 m²)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4163)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02 - 04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4163)
2	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
3	Hệ thống bể	Theo quy trình /Tiền bộ KT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống: Ba ba	Con/m ²	2	Quy cỡ giống từ ≥100 gr/con; Ba ba giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4163)
2	Thức ăn	FCR (Hệ số thức ăn kg)	≤ 10	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật. Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII).
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Biển mô hình	Cái	01		
	Tham quan, hội thảo	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

5. Mô hình nuôi ếch trong bể (Áp dụng cho 500 m³)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4164).
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02 - 04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4164).
2	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
3	Hệ thống bể, lồng	Theo quy trình /Tiền bộ KT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống: Ếch giống	Con/m ³	80	Quy cỡ giống từ ≥ 20 gr/con; Ếch giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4164).
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (Hệ số thức ăn kg)	≤ 1.8	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 25\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII).
	Số lần	Lần	01	Theo quy trình kỹ thuật.	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biên mô hình	Cái	01		
	Tham quan, hội thảo	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

6. Mô hình nuôi cá rô phi, điêu hồng trong lồng bè (Áp dụng cho 500 m³)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4166).
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	7	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02 - 04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4166).
2	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
3	Hệ thống lồng	Theo quy trình /Tiên bộ kỹ thuật được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống: Rô phi/ Điêu hồng	Con/m ³	100	Quy cỡ giống: ≥ 6 cm/con; Cá giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4166).
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (Hệ số thức ăn kg)	≤ 1.8	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 24\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật. Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	VI, VII).
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biên mô hình	Cái	01		
	Tham quan, hội thảo	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

7. Mô hình nuôi cá trắm cỏ trong lồng bè (Áp dụng cho 500 m³)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4170).
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4170).
2	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
3	Hệ thống lồng	Theo quy trình /Tiền bộ KT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống: cá Trắm cỏ	Con/m ³	20-30	Quy cỡ giống: 300-500 gr/con; Cá giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4170).
2	Thức ăn xanh	FCR (Hệ số thức ăn kg)	≤ 45	Đảm bảo chất lượng; Kích cỡ phù hợp giai đoạn phát triển của cá	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII).
	Số lần	Lần	01	Theo quy trình kỹ thuật. Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Biên mô hình	Cái	01		
	Tham quan, hội thảo	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

8. Mô hình nuôi ghép cá trắm cỏ là chính trong ao/hồ (Áp dụng cho 1 ha)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4171).
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống quạt nước	Bộ	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4171).
2	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Trắm cỏ $\geq 50\%$	Con/m ²	2,5	Cỡ giống : Cá rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng ≥ 4 cm/con; cá trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm. Cá giống khỏe mạnh Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4171).
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (Hệ số thức ăn kg)	≤ 1.2	Hàm lượng Protein $\geq 24\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Số lần	Lần	01	Theo quy trình kỹ thuật. Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII).
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biên mô hình	Cái	01		
	Tham quan, hội thảo	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

9. Mô hình nuôi ghép cá chép là chính trong ao/hồ (Áp dụng cho 1 ha)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4172).
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống quạt nước	Bộ	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4172).
2	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Chép \geq 50%	Con/m ²	3	Cỡ giống : Cá rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng \geq 4 cm/con; cá trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen \geq 12 cm. Cá giống khỏe mạnh Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4172).
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (Hệ số thức ăn kg)	\leq 1.5	Hàm lượng Protein \geq 24%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; thời hạn sử dụng \leq 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-
	Số lần	Lần	01	Theo quy trình kỹ thuật.	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				BNN-KN (Phụ lục VI, VII).
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Tham quan, hội thảo	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

10. Mô hình nuôi cá nheo mỹ trong lồng bè (Áp dụng cho 500 m³)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4177).
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02 - 04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4177).
2	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
3	Hệ thống lồng	Theo quy trình /Tiến bộ kỹ thuật được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống: Nheo mỹ	Con/m ³	10	Quy cỡ giống: $\geq 10\text{cm/con}$; Cá giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4177).
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (Hệ số thức ăn kg)	≤ 2	Hàm lượng Protein $\geq 30\%$; Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp & PTNT; Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật. Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII).
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Tham quan, hội thảo	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

11. Mô hình nuôi cá lăng chấm trong lồng bè (Áp dụng cho 500 m³)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4180).
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	11	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02 - 04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4180).
2	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
3	Hệ thống lồng	Theo quy trình /Tiến bộ kỹ thuật được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống: Lăng chấm	Con/m ³	10	Cỡ giống: 200-300 gr/con; Cá giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4180).
2	Thức ăn: Cá tạp và thức ăn phối trộn	FCR (Hệ số thức ăn kg)	≤ 4.5	Đảm bảo chất lượng Không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản; Được chế biến và bảo quản đúng quy định.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI,
	Số lần	Lần	01	Theo quy trình kỹ thuật.	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	VII).
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Tham quan, hội thảo	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

12. Mô hình nuôi lợn trong bể (Áp dụng cho 500 m²)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4183).
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02 - 04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4183).
2	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
3	Hệ thống bể	Theo quy trình /Tiến bộ kỹ thuật được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống: Lợn	Con/m ²	60	Cỡ giống: ≥ 15 cm/con; Lợn giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4183).
2	Thức ăn: Công nghiệp	FCR (Hệ số thức ăn kg)	≤ 4	Hàm lượng Protein $\geq 20\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật. Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	(Phụ lục VI, VII).
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Tham quan, hội thảo	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

13. Mô hình nuôi cá tầm trong lồng bè (Áp dụng cho 500 m³)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4186).
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02 - 04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4186).
2	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
3	Hệ thống lồng	Theo quy trình /Tiền bộ kỹ thuật được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống: Cá Tầm	Con/m ³	≥5	Cỡ giống: ≥50 gr/con; Cá giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4186).
2	Thức ăn: Thức ăn công nghiệp	FCR (Hệ số thức ăn kg)	≤ 1.8	Hàm lượng Protein 35%; Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật. Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII).
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biên mô hình	Cái	01		
	Tham quan, hội thảo	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

14. Mô hình nuôi cá tầm trong bể/ao (Áp dụng cho 500 m²)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4187).
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí, quạt nước	Bộ	02 - 04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4187).
2	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
3	Hệ thống bể, ao	Theo quy trình /Tiên bộ kỹ thuật được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống: cá Tầm	Con/m ²	≥8	Cỡ giống: ≥50 gr/con; Cá giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4187).
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (Hệ số thức ăn kg)	≤ 1.8	Hàm lượng Protein ≥35%; Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật. Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII).
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biên mô hình	Cái	01		
	Tham quan, hội thảo	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

15. Mô hình nuôi cá hồi trong bể/ao (Áp dụng cho 500 m²)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4188).
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí, quạt nước	Bộ	02 - 04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4188).
2	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
3	Hệ thống bể	Theo quy trình /Tiến bộ kỹ thuật được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống: Cá Hồi	Con/m ²	20-30	Cỡ giống: ≥ 10 gr/con; Cá giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TS4188).
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (Hệ số thức ăn kg)	≤ 1.3	Hàm lượng Protein $\geq 35\%$; Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII).
	Số lần	Lần	01	Theo quy trình kỹ thuật. Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Tham quan, hội thảo	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

16. Mô hình nuôi ghép cá trôi là chính trong ao/hồ (Áp dụng cho 1 ha)

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống quạt nước	Bộ	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
2	Máy phát điện	cái/ha	01 - 02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Trôi $\geq 50\%$	Con/m ²	3	Cỡ giống: Cá Trôi, Trắm cỏ, Mè, Trắm đen ≥ 12 cm/con; Cá rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng ≥ 4 cm/con. Cá giống khỏe mạnh có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Áp dụng theo giáo trình của Nhà xuất bản nông nghiệp "Kỹ thuật nuôi cá trôi Ấn Độ" Nhà xuất bản nông nghiệp-2001".
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (hệ số thức ăn kg)	≤ 1.5	Hàm lượng Protein $\geq 24\%$; thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số
	Số lần	Lần	01	Theo quy trình kỹ thuật.	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				726/QĐ-BNN-KN (Phụ lục VI, VII).
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biểu mô hình	Cái	01		
	Tham quan, hội thảo	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin bài	Tin/bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

Phụ lục IV
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG

Lĩnh vực Lâm nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 14 /2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Mô hình trồng rừng Bạch đàn thâm canh

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3101)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ.	Năm 1: 8tháng Năm 2: 7tháng Năm 3: 5tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	1.660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3101)
2	Giống trồng dặm	cây	166		
3	Phân bón NPK (5:10:3) + Trồng mới + Chăm sóc năm 2 + Chăm sóc năm 3	Kg Kg Kg	332 332 332	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biên mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

2. Mô hình Trồng cây Giỏi xanh

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3105)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	1.000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3105)
2	Giống trồng dặm	cây	100		
3	Phân bón NPK (5:10:3) + Trồng mới + Chăm sóc năm 2 + Chăm sóc năm 3	Kg Kg Kg	200 200 200	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

3. Mô hình trồng cây Keo lai

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3106)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	1.660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3106)
2	Giống trồng dặm	cây	166		
3	Phân bón NPK (5:10:3) + Trồng mới + Chăm sóc năm 2 + Chăm sóc năm 3	Kg Kg Kg	332 332 332	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

4. Mô hình trồng cây Keo tai tượng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3108)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8tháng Năm 2: 7tháng Năm 3: 5tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	1.660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3108)
2	Giống trồng dặm	cây	166		
3	Phân bón NPK (5:10:3) + Trồng mới + Chăm sóc năm 2 + Chăm sóc năm 3	Kg Kg Kg	332 332 332	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

5. Mô hình trồng cây Lát hoa

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3109)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8tháng Năm 2: 7tháng Năm 3: 5tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	1.000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3109)
2	Giống trồng dặm	cây	100		
3	Phân bón NPK (5:10:3) + Trồng mới + Chăm sóc năm2 + Chăm sóc năm3	Kg Kg Kg	200 200 200	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

6. Mô hình trồng cây Mỡ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3110)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	2.500	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3110)
2	Giống trồng dặm	cây	250		
3	Phân bón NPK (5:10:3) + Trồng mới + Chăm sóc năm 2 + Chăm sóc năm 3	Kg Kg Kg	500 500 500	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

7. Mô hình trồng cây Thông đuôi ngựa

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3118)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	2.000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3118)
2	Giống trồng dặm	cây	200		
3	Phân bón NPK (5:10:3) + Trồng mới + Chăm sóc năm 2 + Chăm sóc năm 3	Kg Kg Kg	400 400 400	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

8. Mô hình trồng cây Hôi

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3219)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/ cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cây giống	Cây	500	Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3219)
	Cây giống trồng dặm	Cây	50		
2	Phân bón NPK(5:10:3) (0,2kg/cây) + Năm 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	100	Tiêu chuẩn cơ sở	
	Phân vi sinh + Năm 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	250		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

9. Mô hình trồng cây Quế thâm canh

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3225)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/ cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	4.444	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3225)
2	Giống trồng dặm	cây	444		
3	Phân bón NPK (5:10:3)			Tiêu chuẩn cơ sở, áp dụng cho trồng thâm canh	
	0,3 kg/cây				
	+ Trồng mới, chăm sóc năm 2, năm 3	Kg	1.333	Tiêu chuẩn cơ sở, áp dụng cho trồng theo hướng hữu cơ	
	- Hoặc Phân vi sinh				
	+ Trồng mới: 0,5 kg/cây	Kg	2.222		
	+ Chăm sóc năm 2, năm 3 (Lượng bón mỗi năm)	Kg	4.444		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

10. Mô hình trồng cây Mắc ca theo phương thức trồng xen

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3223.2)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/ cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	110	Cây ghép ≥ 6 tháng tuổi, Hvn chồi ghép đã hóa gỗ	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3223.2)
2	Giống trồng dặm	cây	11	≥ 20 cm, Hvn cây ghép ≥ 50 cm, Dgốc ≥ 1 cm	
3	Phân bón NPK (5:10:3) + Trồng mới + Chăm sóc năm 2 + Chăm sóc năm 3	Kg Kg Kg	55 22 22	Tiêu chuẩn cơ sở, Phân hữu cơ vi sinh thay thế sang phân hữu cơ sinh học hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó	
4	Phân hữu cơ vi sinh + Chăm sóc năm 2 + Chăm sóc năm 3	Kg Kg	220 220		
5	Vôi bột + Trồng mới + Chăm sóc năm 2 + Chăm sóc năm 3	Kg Kg Kg	33 11 11		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

11. Mô hình trồng cây Mắc ca theo phương thức trồng thuần

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3223.1)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/ cán bộ	Năm 1: 8tháng Năm 2: 7tháng Năm 3: 5tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	280	Cây ghép ≥ 6 tháng tuổi, Hvn chồi ghép đã hóa gỗ ≥ 20 cm, Hvn cây ghép ≥ 50 cm, Dgốc ≥ 1 cm	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3223.1)
2	Giống trồng dặm	cây	28		
3	Phân bón NPK(5:10:3)			Tiêu chuẩn cơ sở	
	+ Trồng mới	Kg	140		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	56		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	56		
4	Phân hữu cơ vi sinh			Phân hữu cơ vi sinh thay thế sang phân hữu cơ sinh học hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó	
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	560		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	560		
5	Vôi bột			Tiêu chuẩn cơ sở	
	+ Trồng mới	Kg	84		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	28		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	28		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biên mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

12. Mô hình trồng cây Sờ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3229)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/ cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cây giống	Cây	2.000	Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3229)
	Cây giống trồng dặm	Cây	200		
2	Phân bón NPK (5:10:3) (0,2kg/cây)			Tiêu chuẩn cơ sở	
	+ Năm 1	Kg	400		
	+ Năm 2	Kg	400		
	+ Năm 3	Kg	400		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
2	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3					
	Biên mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

13. Mô hình trồng cây Trám ghép

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3234)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/ cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	500	Chiều cao cây giống từ 50 - 60 cm, trong đó, chiều dài của cành ghép \geq 20 cm. Cây sinh trưởng tốt, có lá xanh ở dạng bánh tẻ, vết ghép liền sẹo, cây không cong queo, sâu bệnh	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3234)
2	Giống trồng dặm	cây	50		
3	Thuốc chống mối	Kg	10	Tiêu chuẩn cơ sở	
4	Phân bón NPK (16:16:8)			Tiêu chuẩn cơ sở	
	+ Trồng mới	Kg	250		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	500		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	500		
5	Phân hữu cơ vi sinh			Tiêu chuẩn cơ sở	
	+ Trồng mới	Kg	1.000		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	500		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	500		
6	Chế phẩm sinh học/Thuốc BVTV			Lượng sử dụng cho mỗi năm	
	+ Trồng mới	Triệu đồng	03		
	+ Chăm sóc năm 2	Triệu đồng	03		
	+ Chăm sóc năm 3	Triệu đồng	03		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biên mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

14. Mô hình trồng cây Sa nhân tím

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3227)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/ cán bộ	Năm 1: 8tháng Năm 2: 7tháng Năm 3: 5tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	2.000	Sạch sâu bệnh	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3227)
2	Cây giống trồng dặm	cây	200		
3	Phân NPK (5:10:3)	kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở, Phân hữu cơ vi sinh thay thế sang phân hữu cơ sinh học hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó	
4	Phân visinh	Kg	1.000		
	+ Trồng mới	Kg	1.000		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	1.000		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	1.000		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

15. Mô hình trồng cây Ba kích

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm:LN3204)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/ cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	2.000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng, mật độ trồng xen, trồng theo đám trên đất rừng hoặc trong vườn nhà được quy đổi tương đương.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3204)
2	Giống trồng dặm	cây	300		
3	Phân Lân bón lót (0,2 kg/cây)	Kg/năm	400	Tiêu chuẩn cơ sở	
4	Phân vi sinh bón lót (1kg/cây) Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	2.000		
5	Phân bón: NPK (15:15:15) hoặc (16:16:8) (0,3kg/cây) Năm thứ 1, năm 2, năm 3	Kg/năm	600		
6	Chế phẩm sinh học Thuốc bảo vệ thực vật	Triệu đồng	2		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biên mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

16. Mô hình trồng cây Cát sẫm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm:LN3206)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/ cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cây giống	cây	5.000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Tiêu chuẩn cơ sở, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm:LN3206)
2	Cây giống trồng dặm	cây	500		
3	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅) + Năm 1 + Năm 2	Kg Kg	70 60		
4	Phân đạm nguyên chất (N) + Năm 1 + Năm 2	Kg Kg	45 40		
5	Phân Kali nguyên chất (K ₂ O) + Năm 1 + Năm 2	Kg Kg	30 30		
6	Chế phẩm sinh học + Năm 1 + Năm 2	Kg Kg	4 3		
7	Phân hữu cơ vi sinh năm 1	Kg	250		
8	Thuốc BVTV năm 1	Triệu đồng	01		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

17. Mô hình trồng cây Trà Hoa Vàng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3232)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/ cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	2.500		Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: LN3232)
2	Giống trồng dặm (5%)	cây	250		
3	Phân hữu cơ vi sinh			Tiêu chuẩn cơ sở	
	+ Trồng mới	Kg/năm	1.500		
	+ Năm 2 và năm 3	Kg/năm	2.000		
4	Đạm nguyên chất (N)			- Tiêu chuẩn cơ sở - Các loại đạm, lân, kali	
	+ Trồng mới	Kg/năm	80		
	+ Năm 2 và năm 3	Kg/năm	150		
5	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)			nguyên chất được quy	
	+ Trồng mới	Kg/năm	80		
	+ Năm 2 và năm 3	Kg/năm	150		
6	Kali nguyên chất (K ₂ O)			đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn	
	+ Trồng mới	Kg/năm	90	hợp với tỉ lệ tương ứng.	
	+ Năm 2 và năm 3	Kg/năm	180		
7	Chế phẩm sinh học/Thuốc BVTV				
	+ Trồng mới	Triệu đồng/năm	01		
	+ Năm 2 và năm 3	Triệu đồng/năm	01		

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Cuộc	01	1-2 ngày/Hội thảo/ Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

18. Mô hình trồng rừng Bạch đàn thâm canh cung cấp gỗ lớn

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng theo Quyết định số 724/QĐ-BNN-KN ngày 09/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; 01 cán bộ chỉ đạo kỹ thuật phụ trách ≤15ha.	Năm 1: 9 tháng Năm 2: 6 tháng Năm 3: 4 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây/ha	1.660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng	Vận dụng theo Quyết định 724/QĐ-BNN-KHCN; Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
2	Giống trồng dặm(10%)	cây	166		
3	Phân bón NPK (5:10:3)(0,2kg/cây) + Trồng mới + Chăm sóc năm 2 + Chăm sóc năm 3 hoặc phân hữu cơ vi sinh (0,5kg/cây)	Kg Kg Kg Kg	332 332 332 830	Tiêu chuẩn cơ sở TCVN 7185:2002	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng theo Quyết định 724/QĐ-BNN-KHCN; Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Tập huấn trong mô hình	Ngày/lớp	01	Theo quy trình kỹ thuật Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Tập huấn ngoài mô hình	Ngày/lớp	02		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biên mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

19. Mô hình trồng rừng gỗ lớn thâm canh cây Keo lai mô và Keo tai tượng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng	Vận dụng Quyết định QĐ 230/QĐ-BNN-KHCN ngày 15/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/mô hình.	Năm 1: 9 tháng Năm 2: 6 tháng Năm 3: 4 tháng	

B. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây/ha	1.660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng	Vận dụng Quyết định QĐ 230/QĐ-BNN-KHCN ; Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
2	Giống trồng dặm (10%)	cây	166		
3	Phân bón NPK (5:10:3) (0,2kg/cây) + Trồng mới + Chăm sóc năm 2 + Chăm sóc năm 3	Kg Kg Kg	332 332 332	Tiêu chuẩn cơ sở	

C. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				Vận dụng Quyết định QĐ 230/QĐ-BNN-KHCN ; Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (phụ lục VI, VII)
	Số lần	Lần		Theo quy trình kỹ thuật	
	Thời gian	Ngày	01	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01	1 ngày/Hội nghị	
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/Hội nghị	
3	Thông tin tuyên truyền				
	Biển mô hình	Cái	01		
	Hội thảo đầu bờ, tham quan	Lần	01	1-2 ngày/Hội thảo/Tham quan	
	Tin, bài	Tin/Bài	01		
	Phóng sự	Phóng sự	01		

Phụ lục V
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
Nhiệm vụ Thông tin tuyên truyền Khuyến nông
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 14 /2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. ĐỊNH MỨC SẢN XUẤT PHÓNG SỰ TRUYỀN HÌNH (Phóng sự khuyến nông)

1. Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật

- “Phóng sự khuyến nông” là các video clip chuyển tải nội dung thông tin, thông điệp, phân tích, đánh giá và định hướng dư luận xã hội về những sự kiện, sự việc và vấn đề đang được xã hội quan tâm trong lĩnh vực khuyến nông.
- Đăng tải trên phương tiện truyền thông đại chúng, Website Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lạng Sơn, Website Khuyến nông Việt Nam, App Khuyến nông xanh.
- Thời lượng phóng sự: 05-15 phút/phóng sự tùy theo mục đích tuyên truyền.
- Chương trình sản xuất mới, không có thời lượng tư liệu khai thác lại.

2. Thành phần công việc

- Xây dựng kịch bản.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất chi tiết.
- Liên hệ mời chuyên gia trả lời phỏng vấn.
- Khảo sát địa điểm ghi hình.
- Chuẩn bị bối cảnh và mẫu vật.
- Tổ chức sản xuất video clip (ghi hình + dựng hình).
- Thẩm định video clip.
- Hoàn thiện sản phẩm.

3. Định mức

3.1. Công tác triển khai

(Đơn vị tính: 01 phóng sự)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức cho các thời lượng			Ghi chú
			05 phút	10 phút	15 phút	
I	Định mức lao động					
1	Xây dựng, thẩm định kế hoạch, dự toán	Ngày công	2	3	4	
					- Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, về việc ban hành định mức KTKT khuyến nông Trung ương (Mã sản phẩm TT1002). - Vận dụng theo Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL ngày 15/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, ban hành quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn; nội dung, quy trình và định mức KT-KT trong xúc	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức cho các thời lượng			Ghi chú
			05 phút	10 phút	15 phút	
						tiên, quảng bá du lịch; phát triển thương hiệu du lịch quốc gia và tổ chức, tham gia các sự kiện du lịch tiêu biểu quy mô quốc gia, liên vùng; tổ chức lễ hội văn hoá-du lịch ở trong nước (Phụ lục 06).
2	Khảo sát tiền trạm	Ngày công	1	2	2	- Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TT1002). - Vận dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính, quy định về công tác phí, chế độ chi hội nghị.
3	Xây dựng kịch bản					- Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TT1002).
3.1	Viết kịch bản	Ngày công	2	3	4	- Vận dụng theo Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL (Phụ lục 06).
3.2	Biên tập	Ngày công	1	1,5	2	
4	Xây dựng kế hoạch sản xuất chi tiết	Ngày công	2	2	2	- Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (Mã sản phẩm TT1002). - Vận dụng theo Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL (Phụ lục 06).
5	Cán bộ kỹ thuật phỏng vấn hiện trường	Ngày công	1	1	2	
II	Định mức vật tư tiêu hao					
1	Văn phòng phẩm (mực in, giấy A4, bút...)					Theo thực tế
2	Mẫu vật, vật tư và dụng cụ thực hành					Theo thực tế
3	Nhiên liệu, xăng xe, phục vụ đi lại, đưa đón Ban tổ chức, chuyên gia, khách mời quan trọng.					Theo thực tế

3.2. Thực hiện ghi/dựng hình:

a) Thành phần công việc:

- Nghiên cứu, đề xuất ý tưởng kịch bản.
- Duyệt ý tưởng kịch bản.
- Thu thập thông tin liên quan.

- Xây dựng đề cương kịch bản.
- Duyệt đề cương kịch bản.
- Lập kế hoạch sản xuất.
- Duyệt kế hoạch.
- Quay phim.
- Sao lưu dữ liệu.
- Xem hình và dựng sơ bộ.
- Viết kịch bản.
- Duyệt kịch bản.
- Đọc lời bình.
- Dựng hoàn thiện (bao gồm cả chỉnh sửa).
- Duyệt sản phẩm.
- Xuất file.

b) Định mức:

(Đơn vị tính: 01 Phóng sự thời lượng 05 phút, 10 phút, 15 phút)

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Trị số định mức sản xuất			Ghi chú
			05 phút	10 phút	15 phút	
I	Nhân công (chức danh)					Thông tư 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình, mục 1.03.03.10.00 “Phóng sự chính luận”.
1	Biên tập viên	Công	0,36	0,50	0,59	
2	Quay phim viên	Công	1,88	2,88	3,69	
3	Phát thanh viên	Công	0,02	0,03	0,05	
4	Kỹ thuật dựng phim	Công	0,16	0,26	0,40	
II	Máy sử dụng					
1	Hệ thống dựng phi tuyến (bộ não trung tâm xử lý dữ liệu)	Giờ	4,63	8,80	14,37	
2	Hệ thống phòng đọc	Giờ	0,19	0,25	0,32	
3	Máy in	Giờ	0,02	0,04	0,05	
	Máy quay phim	Giờ	13,00	20,00	26,00	
5	Máy tính	Giờ	35,00	41,08	46,56	
III	Vật liệu sử dụng					
1	Giấy	Ram	0,03	0,05	0,06	
2	Mực in	Hộp	0,01	0,02	0,02	

II. ĐỊNH MỨC BIỂN GIỚI THIỆU MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG VÀ HỘI THẢO ĐẦU BỜ KHUYẾN NÔNG

1. Biển giới thiệu mô hình khuyến nông

1.1. Tiêu chí, tiêu chuẩn

- Kích thước: 60 x 80cm; 100 x 160 cm; 120 x 180cm.
- Hình thức: Theo quy định của Bộ nhận diện Khuyến nông Việt Nam.
- Nội dung: Theo quy định của dự án.

- Vị trí: Đảm bảo tính thông tin và truyền thông, dễ nhận biết và gây ấn tượng tốt.
- Thời gian sử dụng: Tối thiểu 150% thời gian dự án.

1.2. Quy trình

- Bước 1: Nghiên cứu, xây dựng nội dung.
- Bước 2: Xin ý kiến chủ nhiệm dự án/cơ quan thẩm quyền thống nhất nội dung.
- Bước 3: Khảo sát mô hình, trình, quyết định kích thước, số lượng, vị trí đặt biển, kết cấu (chất liệu in, móng, khung).
- Bước 4: Lựa chọn đơn vị thiết kế.
- Bước 5: Lựa chọn đơn vị thi công: Bản maquette (bản vẽ mẫu, bản phác thảo hay mô hình thu nhỏ... của một sản phẩm thiết kế sáng tạo - maket) cuối cùng được thống nhất tiến hành chọn đơn vị sản xuất, thi công lắp đặt theo phương án đã được phê duyệt.
- Bước 6: Thi công, lắp đặt biển mô hình.
- Bước 7: Báo cáo kết quả thực hiện.
- Bước 8: Đánh giá, nghiệm thu.

1.3. Định mức

(Đơn vị tính: 01 Biển giới thiệu mô hình)

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức theo kích cỡ			Ghi chú
			60 x 80 cm	100 x 160 cm	120 x 180 cm	
I	Công tác chuẩn bị					
1	Xây dựng nội dung biển	Ngày công	01	01	01	
2	Phê duyệt nội dung biển	Ngày công	0,5	0,5	0,5	
3	Khảo sát địa điểm đặt	Ngày công	01	01	01	- Không kể thời gian di chuyển. - Vận dụng theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh Lạng Sơn. - Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: TT 7001)
4	Lên phương án về số lượng, kích thước, chất liệu, khung đỡ, móng biển	Ngày công	01	01	01	Theo thuyết minh dự án
II	Tổ chức thực hiện					
1	Xây dựng maquette (maket)					- Chân cao 0,8m, cả bảng chiều cao 1,6 - 1,7m, ngang tầm quan
-	Lựa chọn đơn vị thiết kế	Ngày công	0,5	0,5	0,5	

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức theo kích cỡ			Ghi chú
			60 x 80 cm	100 x 160 cm	120 x 180 cm	
-	Thiết kế, sửa maquette (maket)	Ngày công	0,5	0,5	0,5	sát. - Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm: TT 7001)
-	Duyệt maquette	Ngày công	0,25	0,25	0,25	
2	Thi công, lắp đặt biển mô hình					
-	Lựa chọn đơn vị in, gia công, thi công, lắp đặt	Ngày công	0,5	0,5	0,5	
-	In biển, gia công khung biển, móng, thi công, lắp đặt, hoàn thiện (tạm tính đối với chất liệu in bạt Hiflex ngoài trời, gia công khung thép, móng bê-tông)	Ngày công	02	02	02	Theo thực tế
3	Báo cáo kết quả, nghiệm thu	Người/ngày	02/01	02/01	02/01	

2. Hội thảo đầu bờ khuyến nông

2.1. Tiêu chí, tiêu chuẩn

- Tổ chức các hội thảo đầu bờ nhằm tuyên truyền lan tỏa các mô hình dự án khuyến nông điển hình trong sản xuất, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, tạo sản phẩm an toàn, nâng cao giá trị; là nơi trao đổi thông tin giữa cơ quan quản lý nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và nông dân về sản xuất nông nghiệp.

- Hội thảo được tổ chức trang trọng, gần gũi, hiệu quả, đảm bảo đúng, đủ thành phần tham dự.

2.2. Quy trình

- Bước 1: Xác định quy mô, chủ đề, đối tượng tham gia hội thảo.

- Bước 2: Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức.

- Bước 3: Làm việc với cơ quan, đơn vị phối hợp tại địa phương; Khảo sát địa điểm tổ chức (mô hình tham quan, hội trường, khách sạn).

- Bước 4: Lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ và các trang thiết bị phục vụ.

- Bước 5: Xây dựng tài liệu hội thảo.

- Bước 6: Lập danh sách đại biểu khách mời; gửi giấy mời và xác nhận đại biểu tham dự.

- Bước 7: Ban hành công văn hướng dẫn đăng ký tham gia hội thảo gửi các địa phương/ đơn vị; Tổng hợp đăng ký tham gia của địa phương/đơn vị và đại biểu.

- Bước 8: Xây dựng kịch bản tổng thể cho hội thảo; nội dung chi tiết từng hoạt động; xây dựng bài phát biểu của lãnh đạo.

- Bước 9: Thiết kế, duyệt maket và tổ chức in ấn, thi công lắp đặt phong chính hội trường, băng rôn, pano, cờ phướn tại mô hình dự án.

- Bước 10: Các hoạt động hậu cần khác cho hội thảo như:
 - + Đưa đón đại biểu khách mời;
 - + Chuẩn bị chỗ ăn, nghỉ cho đại biểu khách mời;
 - + Rà soát, kiểm tra mô hình tham quan, hội trường và các hoạt động khác có liên quan.
- Bước 11: Đón tiếp đại biểu khách mời và người tham dự hội thảo; điều phối hội thảo diễn ra theo đúng kịch bản.
- Bước 12: Báo cáo kết quả thực hiện, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

2.3. Định mức

(Đơn vị tính: 01 Hội thảo đầu bờ)

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			100-150 đại biểu	50-100 đại biểu	30-50 đại biểu	
I	Định mức công lao động					
1	Công tác chuẩn bị tổ chức					
1.1	Xây dựng kế hoạch, dự toán	Ngày công	5	4	3	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm TT7002) và theo Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL (Phụ lục 11).
1.2	Thẩm định kế hoạch, dự toán	Ngày công	01	01	01	
1.3	Khảo sát, tiền trạm địa điểm hội thảo đầu bờ, hội trường (không tính thời gian di chuyển)	Người/ngày	03 x 02	03 x 02	03 x 01	Vận dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC.
1.4	Soạn thảo và ban hành các công văn phối hợp, giấy mời tham dự,...	Ngày công	02	01	01	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm TT7002); theo Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL.
1.5	Liên hệ, hướng dẫn, tổng hợp đăng ký tham gia của địa phương/đơn vị và đại biểu.	Ngày công	05	03	02	
1.6	Tổng hợp báo cáo, biên tập, maket tài liệu hội thảo	Ngày công	05	04	03	
1.7	Thiết kế phòng hội trường, standee (khung treo quảng cáo), băng rôn, pano, cờ phướn tại mô hình...	Ngày công	03	03	02	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm TT7002); theo Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL.
2	Tổ chức thực hiện					
2.1	Ban Tổ chức, Tổ thư	Người/	06 x	06 x	04 x	Vận dụng theo Thông tư số

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			100-150 đại biểu	50-100 đại biểu	30-50 đại biểu	
	ký (đi lại, ăn, nghỉ)	ngày	02	02	02	40/2017/TT-BTC.
2.2	Chủ trì, điều hành	Người	03	02	01	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm TT7002); Vận dụng theo Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước.
2.3	Chuyên gia, Cố vấn	Người	07	06	04	
2.4	Báo cáo viên, tham luận tại hội thảo	Người	07	05	03	
2.5	Hướng dẫn tham quan tại mô hình dự án	Người	02	02	01	
2.6	Bộ phận phục vụ	Ngày công	04	02	01	
II	Định mức máy móc, thiết bị					
1	Hội trường (phòng họp, máy chiếu, màn chiếu, màn hình led, micro, thiết bị âm thanh ánh sáng,...)					Vận dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC.
-	Thời gian	Ngày	02	01	01	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm TT7002)
-	Sức chứa	Chỗ ngồi	Theo quy mô số lượng đại biểu của từng sự kiện (tối đa bằng 150% số đại biểu)			
2	Backdrop (phông nền sân khấu) hội trường	m ²	40	30	20	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm TT7002); theo Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL.
3	Standee (khung treo quảng cáo)	Chiếc	10	08	06	
4	Băng rôn, pano, phướn	m ²	100	80	50	
III	Định mức vật tư tiêu hao					
1	Văn phòng phẩm (mực in, giấy, bút...)	Bộ	100-150	50-100	30-50	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm TT7002)
2	Thức ăn, hoá chất, mẫu vật, vật tư và dụng cụ thực hành (nếu có)	Đồng	Theo thực tế (tối đa không quá 5.000.000 đồng)			
3	Nhiên liệu, xăng xe, phục vụ đi lại, đưa đón Ban tổ chức, Ban		Theo thực tế			Vận dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức theo quy mô			Ghi chú
			100-150 đại biểu	50-100 đại biểu	30-50 đại biểu	
	chủ tọa, chuyên gia, cố vấn, khách mời quan trọng.					
IV	Các hạng mục khác liên quan					
1	Tài liệu hội thảo					
-	Xây dựng tài liệu hội thảo	Bài	10	8	5	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm TT7002); Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
-	In tài liệu hội thảo	Cuốn	Theo quy mô số lượng đại biểu của từng hội thảo			Vận dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC
2	Hỗ trợ nông dân tham gia hội thảo	Người/ngày	100 x 02	70 x 01	20 x 01	
2.1	Số lượng nông dân	Người	Tối đa bằng 80% tổng số đại biểu tham dự			
2.2	Số ngày được hỗ trợ:	Ngày	02	01	01	Theo thời gian tổ chức diễn đàn/tọa đàm. Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm TT7002)
3	Bồi dưỡng khách mời	Người	30	20	10	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm TT7002)
4	Bồi dưỡng báo chí	Người	08	06	04	
5	Nước uống giữa giờ	Người/ngày	150 x 02	100 x 01	50 x 01	Vận dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC

Phụ lục VI
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
Nhiệm vụ Đào tạo huấn luyện Khuyến nông
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 14/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. TẬP HUẤN KHUYẾN NÔNG

1. Tập huấn nghiệp vụ, phương pháp khuyến nông

- Thời gian: 02 ngày (lý thuyết, thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình: 0,5 ngày).
- Số lượng học viên: 40 người/lớp.
- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông viên cơ sở, Tổ khuyến nông cộng đồng...

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5		Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1002)
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	0,5		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03	Đơn vị thực hiện có chức năng nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	40	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1002)
2	01 vở ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	40		
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu.	

2. Tập huấn quản lý dự án khuyến nông

- Thời gian: 02 ngày (lý thuyết, thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình: 0,5 ngày).
- Số lượng học viên: 30 người/lớp.
- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, chủ nhiệm dự án, khuyến nông viên cơ sở, Tổ khuyến nông cộng đồng...

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5	Đơn vị thực hiện có chức năng nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1003)
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	0,5		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03		
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	30	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1003)
2	01 vở ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu.	

3. Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ hợp tác xã nông nghiệp

- Thời gian: 02 ngày (lý thuyết, thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình: 0,5 ngày).

- Số lượng học viên: 30 người/lớp.

- Đối tượng: Cán bộ hợp tác xã, cán bộ xã nông thôn mới, khuyến nông viên, tổ khuyến nông cộng đồng...

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5		Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1004)
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	0,5		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03	Đơn vị thực hiện có chức năng nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	30	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1004)
2	01 vở ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu.	

4. Tập huấn phương pháp, kỹ năng truyền thông trong khuyến nông

- Thời gian: 02 ngày (Lý thuyết, thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình: 0,5 ngày).

- Số lượng học viên: 40 người/lớp.

- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông viên cơ sở, Tổ khuyến nông cộng đồng.

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5		Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1005)
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	0,5		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03	Đơn vị thực hiện có chức năng nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	40	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1005)
2	01 vở ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	40		
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu.	

5. Tập huấn tổ chức sản xuất liên kết sản xuất

- Thời gian: 02 ngày (lý thuyết, thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình: 0,5 ngày).
- Số lượng học viên: 40 người/lớp.
- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông viên cơ sở, Tổ khuyến nông cộng đồng...

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5	Đơn vị thực hiện có chức năng nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1006)
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	0,5		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03		
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	40	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1006)
2	01 vở ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	40		
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu.	

6. Tập huấn chuỗi giá trị, cấp mã vùng sản xuất

- Thời gian: 02 ngày (lý thuyết, thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình: 0,5 ngày).

- Số lượng học viên: 40 người/lớp.

- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ bảo vệ thực vật, nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác, thành viên hợp tác xã, tổ khuyến nông cộng đồng....

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5	Đơn vị thực hiện có chức năng nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1007)
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	0,5		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03		
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	40	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1007)
2	01 vở ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	40		
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu.	

7. Tập huấn quy trình sản xuất an toàn (VietGAP)

- Thời gian: 02 ngày (lý thuyết, thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình: 0,5 ngày).
- Số lượng học viên: 40 người/lớp.
- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật, chủ trang trại, tổ viên hợp tác, thành viên hợp tác xã, tổ khuyến nông cộng đồng, nông dân...

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5	Đơn vị thực hiện có chức năng nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1008)
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	0,5		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03		
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	40	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1008)
2	01 vở ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	40		
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu.	

8. Tập huấn chuyển giao công nghệ trong dự án khuyến nông

- Thời gian: 01 ngày (lý thuyết, thực hành: 01 ngày).
- Số lượng học viên: 30 người/lớp.
- Đối tượng: Nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác, thành viên hợp tác xã, khuyến nông viên, tổ khuyến nông cộng đồng...

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	01	Đơn vị thực hiện có chức năng nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1009)
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	01		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	01		
4	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	02		
5	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	02		
6	Công quản lý	Ngày/người	01		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	30	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1009)
2	01 vở ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu.	

9. Tập huấn nhân rộng công nghệ dự án khuyến nông

- Thời gian: 02 ngày (lý thuyết, thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình: 0,5 ngày).

- Số lượng học viên: 30 người/lớp.

- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật, chủ trang trại, tổ viên hợp tác, thành viên hợp tác xã, nông dân, tổ khuyến nông cộng đồng...

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5	Đơn vị thực hiện có chức năng nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1010)
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	0,5		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03		
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	30	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1010)
2	01 vở ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu.	

10. Tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho cán bộ khuyến nông

- Thời gian: 02 ngày (lý thuyết, thực hành: 1,5 ngày; tham quan mô hình: 0,5 ngày).

- Số lượng học viên: 30 người/lớp.

- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, chủ trang trại, tổ viên hợp tác, thành viên hợp tác xã, nông dân, tổ khuyến nông cộng đồng...

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	1,5	Đơn vị thực hiện có chức năng nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1011)
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	1,5		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
4	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	0,5		
5	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03		
6	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
7	Công quản lý	Ngày/người	02		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	30	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1011)
2	01 vở ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu.	

11. Tập huấn nâng cao kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho bò

- Thời gian: 03 ngày (lý thuyết: 01 ngày; Thực hành: 02 ngày).

- Số lượng học viên: 30 người/lớp.

- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp chuyên môn Chăn nuôi Thú y, tổ khuyến nông cộng đồng...

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	03	Đơn vị thực hiện có chức năng nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1012)
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	03		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	03		
4	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03		
5	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
6	Công quản lý	Ngày/người	03		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	30	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1012)
2	01 vở ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu.	

12. Tập huấn nâng cao kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho lợn

- Thời gian: 03 ngày (lý thuyết: 01 ngày; thực hành: 02 ngày).

- Số lượng học viên: 30 người/lớp.

- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp chuyên môn Chăn nuôi Thú y, tổ khuyến nông cộng đồng...

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	03	Đơn vị thực hiện có chức năng nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1013)
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	03		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	03		
4	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03		
5	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	04		
6	Công quản lý	Ngày/người	03		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	30	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1013)
2	01 vở ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu.	

13. Tập huấn tư vấn khuyến nông

- Thời gian: 01 ngày (lý thuyết, thực hành: 01 ngày).

- Số lượng học viên: 40 người/lớp.

- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật, nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác, thành viên hợp tác xã.

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng bài	Ngày/người	01	Đơn vị thực hiện có chức năng nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1014)
2	Công thu thập tài liệu	Ngày/người	01		
3	Công trợ giảng	Ngày/người	01		
4	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	02		
5	Công tổ chức tập huấn	Ngày/người	02		
6	Công quản lý	Ngày/người	01		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	40	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1014)
2	01 vở ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	40		
3	Vật tư học tập, thực hành theo nội dung chuyên ngành			Theo tiêu chuẩn quy trình công nghệ yêu cầu.	

II. KHẢO SÁT HỌC TẬP TRONG NƯỚC

1. Đoàn khảo sát học tập trong nước

- Thời gian: 05 ngày.
- Số lượng học viên: 30 người.
- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, nông dân, chủ trang trại, tổ viên hợp tác, thành viên hợp tác xã.

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công báo cáo, hướng dẫn tham quan	Ngày/người	06	Đơn vị thực hiện có chức năng nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1015)
2	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ	Ngày/người	03		
3	Công tổ chức	Ngày/người	05		
4	Công quản lý	Ngày/người	05		

B. Định mức học liệu, vật tư

TT	Tên học liệu, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu phát cho học viên	Bộ	30	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức. Được đơn vị tổ chức lớp thẩm định phê duyệt.	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1015)
2	01 vở ghi chép, 01 bút, 01 túi đựng tài liệu	Bộ/học viên	30		
3	Vật tư tham quan			Theo thực tế	

III. HỌC LIỆU KHUYẾN NÔNG

1. Xây dựng Video clip kỹ thuật

- Nội dung thực hiện:

- + Xây dựng đề cương kịch bản.
- + Hội đồng phê duyệt đề cương kịch bản.
- + Khảo sát địa điểm ghi hình.
- + Sản xuất video clip.
- + Hội đồng thẩm định video clip.
- + Hoàn thiện, giao nộp sản phẩm.

- Quy cách chất lượng:

- + Hình thức thể hiện: Video clip kỹ thuật.
- + Thời lượng: 05 phút; 15 phút.
- + Chương trình sản xuất mới, không có thời lượng tư liệu khai thác lại.

+ Bộ cục chương trình: Đảm bảo tính logic, phân bổ thời gian hợp lý giữa các phần, phù hợp với trình độ đối tượng truyền tải.

- Đối tượng:

Đối tượng chuyển giao, đối tượng nhận chuyển giao và các tổ chức, cá nhân quan tâm.

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật		Ghi chú
			05 phút	15 phút	
I	Chi phí nhân công (Chức danh - cấp bậc)				Thông tư 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 của Bộ Thông tin truyền thông. Mục 01.03.03.05.00 “Phóng sự tài liệu”.
1	Biên tập viên hạng III - 4/9	Công	4,13	5,81	
2	Biên tập viên hạng III - 6/9	Công	0,21	0,47	
3	Biên tập viên hạng III - 8/9	Công	0,16	0,18	
4	Đạo diễn truyền hình hạng III - 3/9	Công	1,75	4,00	
5	Kỹ thuật dựng phim hạng II - 3/9	Công	0,14	0,33	
6	Kỹ thuật dựng phim hạng II - 6/9	Công	0,05	0,06	
7	Kỹ thuật viên - bậc 5/12	Công	1,75	4,00	
8	Chuyên gia cho toàn bộ chương trình (ngày sửa kịch bản, ngày sản xuất tiền kỳ và ngày sản xuất hậu kỳ)	Ngày/người	04	05	Thông tư 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
9	Công chuyên gia phỏng vấn hiện trường	Ngày/người	02 - 04	02 - 04	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1016)
10	Công thành viên hội đồng tư vấn đề cương	Ngày/người	07	07	
11	Công thành viên hội đồng tư vấn nghiệm thu	Ngày/người	07	07	
12	Công khảo sát địa điểm ghi hình	Ngày/người	05	05	
13	Công sản xuất hiện trường	Ngày/người	07	07	
14	Công xây dựng kế hoạch, báo cáo, hoàn thiện hội đồng đề cương	Ngày/người	03	03	
15	Công xây dựng kế hoạch khảo sát địa điểm	Ngày/người	01	01	
16	Công xây dựng kế hoạch hội đồng nghiệm thu, chỉnh sửa hoàn thiện	Ngày/người	02	02	

B. Định mức vật tư

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật		Ghi chú
			05 phút	15 phút	
I	Máy sử dụng				Thông tư 03/2018/TT-BTTTT
1	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	10,42	24,17	
2	Hệ thống phòng đọc	Giờ	0,50	1,00	

3	Máy in	Giờ	0,02	0,06	Mục 01.03.03.05.00 “Phóng sự tài liệu”.
4	Máy quay phim	Giờ	14,00	32,00	
5	Máy tính	Giờ	39,75	57,70	
II	Vật liệu sử dụng				
1	Giấy A4	Ram	0,03	0,07	
2	Mực in	Hộp	0,01	0,02	

2. Xây dựng tài liệu tập huấn khuyến nông

2.1. Nội dung công việc

- Biên soạn đề cương;
- Hội đồng góp ý đề cương chi tiết;
- Khảo sát, thu thập thông tin, số liệu;
- Biên soạn tài liệu;
- Hội đồng tư vấn thẩm định tài liệu;
- Hoàn thiện, giao nộp sản phẩm.

2.2. Yêu cầu tài liệu

- Nội dung tài liệu phải đảm bảo tính khoa học, cập nhật các tiến bộ kỹ thuật mới và phù hợp để sử dụng trong công tác đào tạo, tập huấn khuyến nông (nội dung mang tính ứng dụng cao, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành; có xây dựng phần hướng dẫn bài giảng và gợi ý thảo luận cho từng phần).
- Tài liệu trình bày đơn giản, bố cục hợp lý; có hình ảnh minh họa, phù hợp và rõ ràng dễ hiểu.

2.3. Đối tượng sử dụng

Đối tượng chuyên giao, đối tượng nhận chuyên giao và các tổ chức, cá nhân quan tâm.

A. Định mức lao động (Tài liệu khoảng 50 - 100 trang A4).

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công xây dựng đề cương tài liệu và khung báo cáo các hợp phần, nội dung khảo sát thực địa	Ngày công	10 - 15	Đơn vị thực hiện có chức năng nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN (mã sản phẩm ĐT 1016); Vận dụng theo Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học công nghệ
2	Công thu thập tài liệu	Ngày công	5 - 10		
3	Công khảo sát thực tế	Ngày công	10 - 15		
4	Công xử lý số liệu	Ngày công	10 - 15		
5	Công biên soạn				
-	Thành viên biên soạn	Ngày công	20 - 30		
-	Kỹ thuật viên hỗ trợ, sưu tập, phô tô, đánh máy	Ngày công	5 - 10		

B. Định mức vật tư, thiết bị

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
I.	Hội đồng tư vấn đề cương/ Hội đồng nghiệm thu				Do Thủ trưởng đơn vị quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, bảo đảm phù hợp với khả năng kinh phí của đơn vị.
1	Phòng họp	Phòng	01		
2	Tài liệu	Bộ/ người	01		
II	Hội thảo góp ý tài liệu				
1	Phòng họp	Phòng	01		
2	Tài liệu	Bộ/ người	01		
3	Khánh tiết	Lần	01		
III	Khảo sát thu thập thông tin				
1	Tài liệu	Bộ/ người	01		